

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 16

27-GIẢI THÍCH TƯỚNG CỦA TỖ-LÊ-ĐA (TINH TẤN) BA-LA-MẬT

Hỏi: Thế nào là tướng của tinh tấn?

Đáp: Có khả năng đối với việc làm, phát khởi không khó, ý chí kiên cường, tâm không mệt mỏi, làm việc rọt ráo, như vậy là tướng của tinh tấn.

Lại nữa, như Phật dạy: “Tướng của tinh tấn là thân tâm không ngừng nghỉ”. Ví như Phật Thích-ca Vãn, kiếp trước từng làm chủ khách buôn, đem các người buôn đi vào chỗ hiểm nạn, ở đó có quỷ La-sát đưa tay ngăn lại nói rằng: “Người đứng yên đừng nhúc nhích, không cho người đi”. Chủ khách buôn liền lấy nắm tay phải đánh nó, nắm tay liền dính không kéo ra được, lại lấy nắm tay trái đánh nó, cũng không kéo ra được, lại lấy chân phải đạp nó, chân bị dính luôn, lại lấy chân trái đạp nó, cũng dính như thế, lại lấy đầu húc tới, đầu cũng dính luôn. Quỷ hỏi: “Người nay đã như vậy, còn muốn làm gì nữa, tâm người đã chịu ngừng chưa?” Đáp: “Tuy cả năm chi bị trói dính, nhưng tâm ta không bao giờ để cho người đẹp, ta sẽ dùng sức tinh tấn đánh lộn với người, quyết định không giải đãi thối lui”. Quỷ liền hoan hỷ nghĩ rằng: “Người này đởm lực rất lớn”. Liền nói với người ấy rằng: “Sức tinh tấn của người rất lớn, quyết chắc không ngừng nghỉ, ta để cho người đi”. Người tu hành như vậy, đối với thiện pháp, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm tụng kinh, tọa thiền, cầu chứng thật tướng các pháp, không để bị các kiết sử che lấp, thân tâm không giải đãi. Ấy là tướng của tinh tấn.

Tinh tấn là một tâm sở pháp, siêng làm không trụ tướng, theo tâm hành, cùng tâm sanh, có giác có quán (tâm tứ), hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán, như trong sách A-tỳ-đàm nói rộng.

Đối hết thủy thiện pháp, siêng tu không giải đãi, ấy là tướng của tinh tấn. Ở trong năm căn, gọi là Tinh tấn căn, căn tăng trưởng thì gọi là Tinh tấn lực, tâm được khai ngộ thì gọi là Tinh tấn giác chi, có thể đưa đến thành Niết-bàn của Phật đạo, thì gọi là Chánh tinh tấn. Trong bốn Niệm xứ, siêng năng buộc tâm là Tinh tấn phần. Bốn Chánh cần là Tinh tấn môn. Trong bốn Như ý túc, dục và tinh tấn là Tinh tấn như ý túc. Trong sáu Ba-la-mật gọi là Tinh tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Ông trước kia đã nói khen ngợi tinh tấn, nay nói tướng của tinh tấn, ấy là tinh tấn gì ?

Đáp: Ấy là tướng tinh tấn đối với hết thủy thiện pháp.

Hỏi: Nay đang luận nghị về Đại Bát-nhã Ba-la-mật, thì chỉ nên nói Tinh tấn Ba-la-mật, chứ sao lại nói tinh tấn đối hết thủy thiện pháp?

Đáp: Bồ-tát mới phát tâm, phải tinh tấn đối hết thủy thiện pháp, dần dần mới được Tinh tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Tinh tấn đối với hết thủy thiện pháp thì có nhiều, nay chỉ nói Tinh tấn Ba-la-mật là đã gồm vào trong sự tinh tấn đối với hết thủy thiện pháp rồi?

Đáp: Tinh tấn vì Phật đạo gọi là Ba-la-mật, còn tinh tấn vì các thiện pháp khác thì chỉ gọi là tinh tấn mà không gọi là Ba-la-mật.

Hỏi: Tinh tấn đối với hết thủy thiện pháp, sao không gọi là Tinh tấn Ba-la-mật, mà chỉ gọi Bồ-tát tinh tấn mới Ba-la-mật?

Đáp: Ba-la-mật gọi là đến bờ kia, người thế gian và Thanh-văn, Bích-chi Phật không thể hành tinh tấn một cách đầy đủ, cho nên không gọi là Ba-la-mật. Lại nữa, người ấy không có tâm đại từ, đại bi, bỏ rơi chúng sanh, không cầu các thiện pháp như Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp bất cộng, Nhất thiết trí và Vô ngại giải thoát, Vô lượng thân, Vô biên quang minh, Vô lượng âm thanh, Vô lượng trì giới, Thiền định, Trí tuệ, do vậy người ấy tinh tấn mà không gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn không ngừng không nghỉ, nhất tâm cầu Phật đạo. Tu hành như vậy gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Như Bồ-tát Hảo Thí vì cầu ngọc Như ý mà tháo cho chảy cạn biển lớn, dầu gân xương bị khô kiệt, không bao giờ giải đãi phớt bỏ, để được ngọc Như ý, cấp thí cho chúng sanh, cứu vớt sự khổ nơi thân họ. Bồ-tát làm được việc khó làm như vậy; ấy là Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát lấy lực tinh tấn làm đầu để thực hành năm Ba-la-mật kia, khi ấy gọi là Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật. Ví như hòa hợp đủ các thứ thuốc mới trị lành trọng bệnh, Bồ-tát tinh tấn cũng như vậy, chỉ thực hành tinh tấn mà không thực hành năm Ba-la-mật kia, thì không gọi là

Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn không phải vì tài lợi, giàu sang, thế lực; cũng không vì thân, không vì sanh lên trời, làm Chuyển luân Thánh vương, Phạm-thiên, Đế-Thích, Thiên-vương, cũng không vì cầu Niết-bàn cho riêng mình, mà chỉ vì Phật đạo, lợi ích chúng sanh. Các tướng như vậy, gọi là Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn, tu hành hết thủy thiện pháp đều lấy tâm đại bi làm đầu, như cha mẹ lành, chỉ có một đứa con, mà nó bị bệnh nặng, thì nhất tâm tìm thuốc, để cứu bệnh cho con. Bồ-tát tinh tấn, lấy tâm từ làm đầu cũng như vậy, cứu vớt cho hết thủy, tâm không tạm rời bỏ.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn, lấy trí tuệ biết rõ thật tướng làm đầu, để thực hành sáu Ba-la-mật; ấy gọi là Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Thật tướng của các pháp là vô vi vô tác, còn tinh tấn là hữu vi hữu tác, làm sao lấy thật tướng làm đầu?

Đáp: Tuy biết thật tướng các pháp là vô vi vô tác, nhưng vì bản nguyện đại bi muốn độ chúng sanh nên ở trong vô tác mà dùng lực tinh tấn độ thoát hết thủy.

Lại nữa, nếu thật tướng các pháp đã là vô vi như tướng Niết-bàn, không một không hai thì ông làm sao nói thật tướng khác với tướng tinh tấn? Chính là ông không hiểu rõ thật tướng các pháp thế nào cả!

Lại nữa, Bồ-tát được lực thần thông, dùng Thiên nhãn thấy chúng sanh trong ba cõi, năm đường vì mất vui nên khổ, thấy chư thiên ở cõi Vô sắc vì ham vui trong thiền định, tâm mê đắm không giác tỉnh, khi mạng hết phải rơi trở lại trong cõi Dục, chịu thân hình cầm thú.

Thấy chư Thiên ở cõi Sắc cũng như vậy, từ chỗ thanh tịnh bị đọa trở lại chịu sự dâm dục ở trong bất tịnh.

Thấy sáu tầng Trời ở cõi Dục ưa đắm ngũ dục, nên trở lại đọa vào địa ngục, chịu các khổ thống.

Thấy trong nhân đạo, nhờ phước của mười điều thiện đổi được thân người, thân người thì nhiều khổ ít vui, mệnh tận phần nhiều bị đọa vào đường ác.

Thấy các súc sanh chịu các khổ não, roi gậy đuổi chạy, chở nặng đi xa, cổ họng bị đâm thủng, sắt nóng thiêu đốt, đó là những người vì hạnh nghiệp đời trước, trói buộc chúng sanh, roi gậy đánh đập khổ não. Vì các nhân duyên như vậy cho nên phải chịu mang thân hình cầm thú voi ngựa, trâu dê, hươu nai.

Thấy người có tính dâm dục nặng, vô minh nhiều thì chịu làm loài ngỗng ngang, chim sẻ, uyên ương, tu hú, bồ câu, gà, vịt, anh vũ, chim

trăm lười. Làm các thứ chim trăm ngàn chủng loại, do tội dâm dục mà thân mọc lông vũ, bị cách gián với các thứ xúc trơn mịn, mở cửa thô cứng, không phân biệt được sự xúc chạm.

Thấy người sân giận nhiều, thì chịu làm loài trùng như rắn độc, rết, bò cạp, sâu bò, ong, làm trăm chân ngậm độc.

Thấy người ngu si nhiều, thì chịu làm loài giun, con ngãi, bọ hung, kiến hôi, cú mèo, loài chim mạnh tợn, những thứ trùng chim lẫn thẩn.

Thấy người kiêu mạn sân giận nhiều, thì chịu mang thân mãnh thú như sư tử, hổ báo. Do tà mạn mà chịu sanh trong loài lừa, heo, lạc đà. Người xan tham, tật đố, khinh suất, nóng nảy, vô vàng thì chịu mang hình con khỉ, khỉ đột, gấu. Do nghiệp nhân tà tham ghen ghét thì chịu mang hình các loại thú mèo, chồn, cọp đất. Do nghiệp nhân không biết hổ thẹn, tham ăn tham uống nên chịu mang hình hài các loài chim quạ, chim khách, kên kên. Do khinh mạn người lành nên chịu mang thân gà, chó, chồn. Làm việc bố thí lớn mà tâm sân giận quanh co, do nhân duyên ấy nên chịu mang thân loài rồng. Làm việc bố thí lớn mà tâm cao ngạo lẩn lút, bạo ngược, làm khổ não chúng sanh nên chịu mang thân chim Kim-sí. Do các kiết sử hành nghiệp nhân duyên như vậy nên chịu các thống khổ của loài cầm thú súc sanh.

Bồ-tát được thiên nhãn quán thấy chúng sanh luân chuyển năm đường, cứ quanh quẩn trong đó. Chết ở cõi Trời sanh vào cõi người, chết ở cõi người sanh lên cõi Trời; chết ở cõi Trời sanh vào địa ngục, chết ở địa ngục sanh lên cõi Trời; chết ở cõi trời sanh vào ngạ quỷ, chết ở ngạ quỷ lại sanh lên cõi trời; chết ở cõi trời sanh vào súc sanh, chết ở súc sanh lại sanh lên cõi Trời; chết trên cõi Trời trở sanh lại trên cõi Trời. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng như vậy.

Chết trong cõi Dục sanh trong cõi Sắc, chết trong cõi Sắc sanh trong cõi Dục; chết trong cõi Dục sanh trong cõi Vô sắc; chết trong cõi Vô sắc sanh trong cõi Dục; chết trong cõi Dục lại sanh trong cõi Dục. Cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng như vậy.

Chết trong địa ngục Hoạt sanh trong địa ngục Hắc-thằng, chết trong địa ngục Hắc-thằng sanh trong địa ngục Hoạt; chết trong địa ngục Hoạt sanh lại trong địa ngục Hoạt. Hợp hội địa ngục cho đến A-tỳ địa ngục cũng như vậy. Chết trong địa ngục Thán-khanh sanh trong địa ngục Phất-xí, chết trong địa ngục Phất-xí sanh trong địa ngục Thán-khanh; chết trong địa ngục Thán-khanh sanh lại trong địa ngục Thán-khanh. Địa ngục Thiêu-lâm cho đến địa ngục Đại Ba-đầu-ma cũng như vậy. Luân chuyển sanh vào trong đó.

Chết trong loài noãn sanh lại sanh trong loài thai sanh; chết trong loài thai sanh lại sanh trong loài noãn sanh; chết trong loài noãn sanh lại sanh trong loài noãn sanh. Thai sanh, thấp sanh, hóa sanh cũng như vậy.

Chết trong châu Diêm-phù-đề sanh trong châu Phất-bà-đề; chết trong châu Phất-bà-đề sanh trong châu Diêm-phù-đề; chết trong châu Diêm-phù-đề sanh lại trong châu Diêm-phù-đề. Châu Cù-đà-ni Uất-đơn-la-việt cũng như vậy.

Chết ở chỗ Tứ-thiên-vương sanh trong Đạo-lợi thiên; chết trong Đạo-lợi thiên sanh ở chỗ Tứ-thiên-vương; chết ở chỗ Tứ-thiên-vương lại trở sanh ở chỗ Tứ-thiên-vương. Đạo-lợi thiên cho đến Tha-hóa-tự-tại thiên cũng như vậy.

Chết trong cõi trời Phạm-chúng, sanh trong cõi trời Phạm-phụ; chết trong cõi trời Phạm-phụ sanh trong cõi trời Phạm-chúng; chết trong cõi trời Phạm-chúng sanh trở lại trong cõi trời Phạm-chúng. Trời Phạm-phụ, trời Thiếu-quang, Vô-lượng-ánh sáng, Quang-âm, Thiếu-tịnh, Vô-lượng-tịnh, Biến-tịnh, A-na-bạt-la-già, Đắc-sanh, Đại-quả, Hư-không-xứ, Thức-vô-biên-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng cũng như vậy. Chết trong cõi trời Phi-hữu-tưởng-phi-vô-tưởng sanh trong địa ngục A-tỳ. Như vậy triển chuyển sanh trong năm đường.

Bồ-tát quán thấy như vậy rồi, sanh tâm đại bi: “Ta đối với chúng sanh không có lợi ích gì, tuy giúp cho cái vui thế gian, khi vui cùng tột thì khổ. Vậy ta hãy lấy cái vui chơn thường của Niết-bàn Phật đạo giúp ích cho tất cả. Làm sao giúp ích? Phải siêng năng đại tinh tấn, mới được trí tuệ chơn thật, được trí tuệ chơn thật biết được thật tướng của các pháp, lấy các Ba-la-mật khác giúp thành để làm lợi ích cho chúng sanh”, ấy là Bồ-tát Tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ-tát quán thấy trong loài Ngạ quỷ bị đói khát, hai mắt bị trừng sâu, lông tóc dài, chạy đông chạy tây; nếu muốn chạy đến chỗ nước thì bị các con quỷ giữ nước lấy gậy sắt đánh đuổi lui; nếu không có quỷ giữ gìn thì nước tự nhiên khô; hoặc trời có mưa, nước mưa hóa thành than. Hoặc có loài Ngạ quỷ thường bị lửa đốt, như lúc kiếp tận, các núi đều tuôn lửa. Hoặc có loài Ngạ quỷ gây guộc chạy cuồng, lông tóc rối loạn phủ khắp thân mình. Hoặc có loài Ngạ quỷ thường ăn phân, nước giải, nước mắt, đồ nhơ, mũi, nước cặn bã rửa ráy, có khi đi đến đứng bên cầu xí rình chờ đồ bất tịnh. Hoặc có loài Ngạ quỷ thường tìm tàn huyết của sản phụ để uống, thân hình như cây cháy, cổ như lỗ kim; nếu cho nó nước uống ngàn năm không đủ. Hoặc có loài Ngạ quỷ tự phá đầu mình,

lấy tay móc não mà liếm. Hoặc có loài Nga quý thân hình như núi đen, bị móc sắt móc cổ, đập đầu cầu thương xót, lạy lục lính ngục. Hoặc có loài Nga quý, đời trước ác khẩu, ưa lấy lời thô ác gây hại chúng sanh, thấy chúng sanh thì rất oán ghét, như trông thấy kẻ thù. Vì tội ấy mà bị đọa vào đường nga quý chịu vô lượng thống khổ.

Bồ-tát quán thấy tám đại địa ngục, đau khổ muôn mối: Thấy trong đại địa ngục “Hoạt” các tội nhân đấu tránh nhau, ác tâm sân giận tranh giành, tay cầm dao bén chặt chém lẫn nhau, lấy giáo dài đâm nhau, lấy chĩa sắt thọc nhau; lấy gậy đánh nhau, lấy đùi sắt đả nhau, dây sắt quấn nhau; lấy dao bén vằm nát nhau, lấy móng tay sắt cào xé nhau, lấy máu nơi thân bôi trét nhau. Khổ độc bức thiết mê man không biết gì. Do nhân duyên của nghiệp trước mà có ngọn gió lạnh thổi đến, lính ngục kêu lên: “Ôi chao! Tội nhân sống lại!” Liền sống lại. Sống lại lại tiếp chịu khổ độc. Do vậy nên gọi là địa ngục Hoạt (sống). Những chúng sanh ở trong đây do nhân duyên hành nghiệp đời trước, ham giết sanh vật như trâu, dê, cầm thú. Vì ruộng vườn nhà cửa, nô tỳ vợ con, quốc thổ tiền tài mà giết hại lẫn nhau. Do các thứ nghiệp báo giết hại như vậy, mà phải chịu tội quá lắm như vậy.

Thấy tội nhân trong đại địa ngục “Hắc-thăng” bị quỷ La-sát hung ác, ngục tối, thợ quỷ, thường lấy dây sắt cháy đen đo đạt tội nhân, lấy búa sắt trong ngục sai người dẫn chém dài làm cho ngắn, ngắn làm cho dài; vuông làm cho tròn; tròn làm cho vuông; chém đứt tứ chi, xẻo bỏ tai mũi, cắt rớt chân tay, lấy cửa sắt cửa xẻ chặt đứt, phá phần máu huyết, thái thịt từng miếng đem cân.

Những tội nhân này do hành nghiệp nhân duyên đời trước hay dèm pha kẻ trung lương, nói dối, ác khẩu, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, giết oan kẻ vô tội, hoặc làm sứ gian, hung bạo xâm lăng sát hại quá lắm. Do các thứ ác khẩu dèm pha như vậy, nên phải chịu tội ấy.

Thấy trong địa ngục “Hợp-hội” loài ác La-sát, lính ngục làm ra các hình thù trâu, ngựa, heo, dê, hươu, nai, chồn, chó, cọp, sói, sư tử, loài lục bác, voi lớn, kên kên, chim cắt, chim nhỏ. Làm ra các thứ đầu chim, đầu thú đi đến nuốt cắn, mổ xé, nghiền ngấu tội nhân. Hai núi ép lại (hợp hội), vành sắt nóng lớn ép nghiền làm cho thân tội nhân tan nát, ở trong cối sắt giã làm cho nát; như ép dầu, ép nho; ví như bãi chiến trường bị dày xéo, thịt chứa thành đồng, đầu chất như núi, huyết chảy thành ao; kên kên, chim cắt, cọp sói lại tranh nhau cấu xé. Những tội nhân này do nhân duyên hành nghiệp đời trước, hay giết trâu, ngựa, heo, dê, hươu, nai, chồn, thỏ, cọp, sói, sư tử, loài lục bác, voi lớn, tàn hại rất nhiều điều

thú như vậy, cho nên bị các loài điều thú đến làm hại lại. Lại lấy thế lực lấn áp, ép uổng kẻ hèn kém, nên phải chịu tội hai núi ép lại. Tham xển, giận tức, ngu si, sợ hãi, sử đoán việc khinh trọng không theo chánh lý. Hoặc phá chánh đạo, thay đổi chánh pháp, nên phải chịu vòng sắt nóng nghiền nát, cối sắt nóng giã tan.

Thứ tư, thứ năm là địa ngục “Khiếu-hoán, Đại-khiếu-hoán”. Tội nhân ở trong địa ngục này bị quỷ La-sát, Ngục tốt đầu vàng như kim, trong mắt tuôn lửa, mặc áo sắt đỏ, thân thịt cứng rắn, chạy nhanh như gió, tay chân dài to, miệng buông lời ác, dùng chĩa ba mũi, tên bay như mưa, đâm bắn tội nhân, tội nhân cuống chạy, cúi đầu cầu xin Đại tướng quân buông tha một chút, tức thời bị đưa vào địa ngục sắt nóng, ngang dọc một trăm do tuần, đuổi đánh rong chạy, chân đều bị cháy, mỡ tủy chảy ra; như ép sữa dầu, gậy sắt đánh đầu, đầu vỡ não chảy như bình sữa; lại chém đâm cắt lóc, thân thể nát tan, rồi lại đưa vào nhà sắt, trong nhà khói đen xông lên, xô dè lẫn nhau; lại oán hại lẫn nhau, đều nói: “Sao lại dè ép ta?” Vừa muốn tìm ra thì cửa đã đóng, cát to tiếng gào khóc, âm vang không ngớt.

Những người này do hành nghiệp nhân duyên đời trước đều bởi đo lường gian cân dối, đoán sự phi pháp, nhận gởi không trả, lấn hiếp kẻ thấp kém, não hại kẻ nghèo cùng, làm cho kêu khóc, phá thành quách người, phá xóm làng người, làm tổn hại cướp bóc, nhà nhà oán ghét, cả thành kêu la, có khi lừa bịp dối trá dụ dỗ cho đi ra rồi lại hại tiếp. Do các nhân duyên như vậy, nên phải chịu tội thế ấy.

Những người trong địa ngục “Đại-khiếu-hoán”, đều là loại người bất kể khác ở trong hang mà hun khói giết, đây là nhà giam đóng kín u tối. Hoặc bắt ở trong hang hun khói tối tăm, hun khói giết chết, hoặc quăng kẻ khác xuống giếng mà cướp đoạt tài sản người. Do các nhân duyên như vậy, nên phải chịu tội ở địa ngục Đại-khiếu-hoán (kêu la to).

Thứ sáu, thứ bảy là địa ngục “Nhiệt, Đại nhiệt”. Trong hai địa ngục này có hai cái vạc đồng lớn, là Nan-đà và Bạt-nan-đà, chứa đầy nước mặn sôi, quỷ La-sát, ngục tốt bắt tội nhân quăng vào trong đó, như người đầu bếp nấu thịt. Người ở trong vạc, đầu chúc xuống chân chổng ngược lên; giống như nấu đậu như nát, xương tiết rã rời, da thịt ly tán, biết đã nát rồi, lấy đĩa vớt ra. Do hành nghiệp nhân duyên nên có ngọn gió lạnh thổi đến liền sống lại; lại tiếp quăng vào hầm than, hoặc quăng trong tro nóng, giống như cá ra khỏi nước; lại để trên cát nóng; lại lấy máu mủ mà tự nấu nung.

Từ trong hầm than lại bỏ trên giường lửa, cưỡng ép bắt ngồi; mắt, tai, mũi, miệng và các lỗ chân lông, tất cả đều bốc lửa. Người này đời trước làm náo hại cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, đối trước các phước điền, người tốt, bức não làm cho họ nóng bức. Do tội ấy phải chịu tội ở địa ngục “Nhiệt” nóng. Hoặc có người lấy cây xâu người nướng sống, hoặc thiêu đốt núi rừng, đồng nội, làng xóm, tượng Phật, tinh xá v.v...; hoặc xô chúng sanh rớt trong hầm lửa. Do các nhân duyên như vậy, phải sanh trong địa ngục “Nhiệt, Đại nhiệt” này.

Thấy trong A-tỳ địa ngục, dọc ngang bốn ngàn dặm, tường sắt bao quanh, so với bảy địa ngục trên thì chỗ này rất sâu. Ngục tốt, quỷ La-sát lấy chùy sắt lớn đánh đập tội nhân, như thợ rèn đập sắt, lột da từ đầu đến chân, lấy năm trăm cái đinh đóng vào thân, như xẻ da trâu, giềng kéo lẫn nhau bị phá nát theo tay kéo. Xe lửa sắt nóng nghiền thân xác, đuổi vào hố lửa bắt ôm than ra lại đuổi vào trong sông phân sôi nóng, có trùng độc mỏ sắt, chui vào từ đầng mũi ra đầng chân, hoặc chui từ bàn chân ra đầng mồm. Hoặc đuổi vào đường dựng kiếm, bàn chân rách nát như nhà bếp nấu thịt; đao, kiếm, giáo bén nhọn bay đâm vào thân như sương xuống lá tung, theo gió rơi xuống. Tay, chân, tai, mũi các chi tiết đều bị róc lột chặt đứt rơi xuống đất, máu chảy thành ao. Hai con chó dữ lớn là Xa-ma và Xa-bà-la mồm sắt cứng mạnh, phá nát gân xương người, sức hơn hổ báo, mạnh như sư tử. Có rừng gai lớn, khua đuổi tội nhân, bắt treo lên cây; khi tội nhân leo lên thì gai chĩa xuống, khi tội nhân trụt xuống thì gai chọc lên. Rắn độc lớn, rết, bò cạp, ác trùng tranh nhau lại cắn cấu. Chim to mỏ dài, mỏ đầu ăn óc. Vào sông nước mặn, theo nước chảy lên xuống; khi ra khỏi phải đập trên đất sắt nóng, đi trên gai sắt; hoặc ngồi trên mác sắt, mác từ dưới đâm lên, rồi lấy kềm vạch miệng rớt đồng sôi vào. Nướ hòn sắt nóng, vào miệng miệng tiêu, vào cổ cổ tan, vào bụng bụng cháy, năm tạng đều tiêu, rơi thẳng xuống đất, chỉ thấy cảnh xấu ác, thường nghe hơi hôi thối, thường chạm xúc thô rít, gặp toàn các thống khổ, mê man ủ rũ. Hoặc chạy cuồng loạn xông xáo, hoặc lẫn trốn quăng vát, hoặc ngã nghiêng đọa lạc.

Người này đời trước thường tạo trọng tội ngũ nghịch đại ác, dứt hết thiện căn, pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp; thật nói là không thật, không thật nói là thật; phá nhân phá quả, ganh ghét người lành. Vì các tội ấy, nên vào địa ngục A-tỳ này chịu tội rất kịch liệt.

Có tám địa ngục lớn như vậy. Lại có mười sáu địa ngục nhỏ làm quyến thuộc, đó là ngục băng lạnh, tám ngục lửa nóng, trong đó tội độc, không thể thấy nghe.

Tám địa ngục hỏa nóng là hầm than, phân nóng, rừng cháy, rừng gươm, đường đao, rừng gai sắt, sông mặn, cọc sắt ấy là tám. Tám địa ngục băng lạnh là Án-phù-đà, Ni-la-phù-đà, A-la-ca, A-bà-bà, Hâu-hầu, Âu-ba-la, Ba-đầu-ma, Đại Ba-đầu-ma, ấy là tám. Nếu phá giới hạnh thanh tịnh của pháp xuất gia kẻ cư sĩ khinh rẻ Phật đạo, hoặc xô chúng sanh rớt trong hố lửa, hoặc khi mạng chúng sanh chưa hết mà đem nướng trên lửa, do các nhân duyên như thế, nên bị đọa vào địa ngục hầm than, lửa cháy than nóng đến gối, thiêu đốt thân tội nhân.

Nếu món ăn của ruộng phước tức là Sa-môn, Bà-la-môn mà lấy tay bẩn sờ mó vào, hoặc ăn trước, hoặc lấy vật bất tịnh bỏ vào, hoặc lấy nước phân nóng đổ vào thân người ta, phá tịnh mạng lấy tà mạng nuôi sống, do các nhân duyên như thế, phải đọa trong ngục phân sôi. Địa ngục phân sôi rộng sâu như nước biển cả trong đó có loài trùng nhỏ, mõ sắt phá đầu tội nhân ăn óc, phá xương ăn tủy.

Nếu thiêu đốt cỏ cây, làm thương hại các loài trùng, hoặc đốt rừng săn bắn gây hại rất nhiều, do các nhân duyên như thế, phải đọa trong địa ngục rừng cháy, lửa cháy cỏ cây để đốt tội nhân.

Nếu cầm dao kiếm tranh đấu, giết hại, hoặc chặt cây để báo oán cũ, hoặc người đem lòng trung tín thành thật khuyến cáo, lại bí mật cùng nhau hãm hại, do các nhân duyên như thế, phải đọa trong địa ngục rừng gươm. Tội nhân vào trong địa ngục này gió thổi là gươm chém, chặt tay chân, tai mũi đều bị rơi rụng, Khi ấy trong rừng có chim cắt, chó dữ tranh nhau ăn thịt.

Nếu lấy dao bén đâm người, hoặc cọc gỗ, hay lấy thương đao đánh giết người, hoặc cắt đứt đường sá, phá sập cầu cống, phá chánh pháp chánh đạo, chỉ bày phi pháp phi đạo, do các nhân duyên như thế, phải đọa trong địa ngục đường đao, ở chỗ đường hẹp vách cao, dựng đao bén bắt tội nhân đi trên ấy mà qua. Hoặc phạm tà dâm, xâm phạm phụ nữ người ta, ham hưởng thú vui xúc chạm, do các nhân duyên như thế, phải đọa trong địa ngục rừng gai sắt, cây gai cao một do tuần, trên có rắn độc lớn hóa thành thân gái đẹp, gọi tội nhân trèo lên cùng hưởng vui. Ngục tốt đuối bắt trèo lên, gai đều chĩa xuống đâm suốt tội nhân vào xương thấu tủy. Khi đã đến trên cây, hóa nữ liền trở lại thân rắn, phá đầu rúc vào bụng tội nhân moi thành hang lỗ nơi nơi đều bị phá nát, bỗng trở lại thành thân thể bính phục, hoá nữ lại ở dưới cây gọi xuống, ngục tốt lấy cung tên bắn lên, kêu phải trụt xuống, gai lại chọc ngược lên. Khi đã xuống đến đất, thân hóa nữ trở lại làm rắn độc, phá thân tội nhân.

Như vậy, lâu lâu từ rừng gai sắt nóng đi ra, xa thấy nước sông trong

mát êm ả chạy đến bơi lội vào thì biến thành nước mặn sôi nóng, tội nhân ở trong đó chốc lát da thịt rã rời, xương dựng đứng trong nước, quỳ La-sát lấy xoa móc ra đem bỏ trên bờ.

Người này do nhân duyên hành nghiệp đời trước tàn sát loài thủy tánh, hoặc xô người, các chúng sanh chìm vào trong nước, hoặc ném vào nước sôi, nước băng. Do các nhân duyên ác nghiệp như vậy, nên phải chịu tội ấy.

Hoặc ở địa ngục Cọc đồng, Ngục tốt, La-sát hỏi các tội nhân: “Người từ đâu đến?” Đáp: “Tôi đau khổ mê man không rõ từ đâu đến, chỉ lo đói khát”. Khi ấy nếu nói khát, thì ngục đồng liền đuổi tội nhân bắt ngồi trên cọc đồng nóng, lấy kẽm sắt cạy miệng, rót nước đồng sôi vào. Nếu nói đói thì bắt ngồi trên cọc đồng nướng hoàn sắt nóng, vào miệng miệng tiêu, vào cổ cổ tan, vào bụng bụng cháy, năm tạng tiêu hoại, rơi thẳng xuống đất. Người này vì nhân duyên của các hành nghiệp đời trước, hay trộm cướp tài sản của người khác để cung cấp cho miệng mình. Có người xuất gia đôi khi giả bệnh để cầu tìm dầu, sữa, đường phèn cho nhiều, hoặc không trì giới, không tham thiền, không có trí tuệ mà lãnh thọ nhiều vật thí của người, hoặc ác khẩu làm tổn thương người, do các nhân duyên hành nghiệp đời trước như vậy, phải đọa vào địa ngục Cọc đồng.

Nếu người đọa vào địa ngục Át-phù-đà, chỗ này chứa băng lạnh, gió độc thổi đến làm cho các tội nhân da lông xé rụng, gân thịt đứt mất, xương phá tủy lòi, liền cứng trở lại chịu tội như lúc đầu.

Người này vì nhân duyên của hành nghiệp đời trước, thảng rét lột da người, hoặc trộm cướp củi lửa của người đang lạnh cóng, hoặc làm ác long sân độc tức giận đổ mưa đá lớn, băng rét hại người, hoặc khinh dễ Phật và đệ tử Phật, người trì giới, hoặc bốn nghiệp của miệng gây các trọng tội, do các nhân duyên như vậy, phải đọa vào trong địa ngục Át-phù-đà. Địa ngục Ni-la-phù-đà cũng như vậy. Ở Át-phù-đà đôi khi có gián đoạn tạm được nghỉ ngơi, còn ở Ni-la-phù-đà không gián đoạn, không có lúc nghỉ ngơi. Ba địa ngục A-bà-bà, A-la-la, Hâu-hâu gió rét run khóa miệng không mở được. Nhân tiếng kêu rên ấy mà đặt tên ngục. Trong địa ngục Âu-ba-la băng rét thấm khắp, tựa như hoa sen xanh. Ngục Ba-đầu-ma hình trạng như hoa sen đỏ. Ngục Đại Ba-đầu-ma, trú xứ của Câu-già-ly ở trong đó. Người có trí nghe như vậy kinh hải nói: “Ôi cha! Vì vô minh tham ái sân nhuế mới phải chịu khổ này!”

Được ra rồi lại vào, không cùng không thôi. Bồ-tát thấy thế suy nghĩ như vậy: “Nhân duyên của nghiệp khổ này đều là do các phiền não vô minh tạo tác, ta phải tinh tấn siêng tu Lục độ, nhóm các công đức để

dứt trừ các khổ của chúng sanh trong năm đường, hưng phát lòng thương lớn, tăng thêm tinh tấn, như thấy cha mẹ mình ở trong nhà giam tối tăm bị tra khảo đánh đập thì lo buồn muôn mối, tìm cách cầu cứu, tâm không lơ bỏ”. Bồ-tát thấy các chúng sanh chịu khổ trong năm đường tưởng đó là cha mẹ, cũng như thế.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn, đời đời siêng tu cầu các tài bảo bố thí cho chúng sanh, tâm không biếng nhác phế bỏ. Tự có của cải có thể cho hết, tâm cũng không biếng nhác.

Lại nữa, tinh tấn trì giới, hoặc giới lớn giới nhỏ, hết thấy đều thọ, hết thấy đều trì, không hủy không phạm, lớn bằng lông tóc, giả sử có trái phạm, liền phát lồ sám hối ngay từ đầu, không che giấu.

Lại nữa, siêng tu nhẫn nhục, nếu người dùng dao gậy đánh hại, mắng nhiếc hủy nhục, hay cung kính cúng dường, tất cả đều nhẫn, không thọ nhận, không dính mắc, cũng không nghi ngờ hối hận, tâm không thối mất đối với pháp sâu xa.

Lại nữa, chuyên tinh một lòng, tu các thiện định có thể trụ vững, có thể học tập, được Bốn tâm vô lượng, Năm thần thông, Tám thắng xứ, Tám bội xả, và Mười Nhất thiết xứ, đủ các công đức, được Bốn niệm xứ và tam muội các Bồ-tát thấy Phật.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn cầu pháp, thân tâm không giải đãi, siêng năng nỗ lực cúng dường pháp sư các thứ cung kính cung cấp, sai sử, không hề trái lỗi, cũng không phế bỏ thối lui, không tiếc thân mạng, chỉ vì pháp tụng đọc, hỏi đáp; đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm tư duy ức niệm, trừ lượng phân biệt, tìm nhân duyên của nó, chọn lựa chỗ đồng, chỗ dị để biết thật tướng. Đối với hết thấy các pháp tự tướng, dị tướng, tổng tướng, biệt tướng, nhất tướng, hữu tướng, vô tướng như thật tướng và vô lượng trí tuệ của chư Phật, Bồ-tát, tâm không thối không mất; ấy gọi là Bồ-tát tinh tấn. Do các nhân duyên như vậy, có thể làm phát sanh, có thể làm thành tựu các thiện pháp, cho nên gọi là tinh tấn Ba-la-mật. Nghĩa chữ Ba-la-mật như trước đã nói.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn thì gọi là Tinh tấn Ba-la-mật, còn người khác không tinh tấn thì không gọi là Tinh tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Thế nào là tinh tấn được viên mãn, cụ túc?

Đáp: Sanh thân, pháp tánh thân của Bồ-tát đều có thể đầy đủ công đức, ấy là Tinh tấn Ba-la-mật viên mãn cụ túc. Nghĩa chữ “Mãn túc” như trên đã nói vì thân và tâm tinh tấn không phế bỏ vậy.

Hỏi: Tinh tấn là một tâm sở pháp, sao trong kinh gọi là thân tinh tấn?

Đáp: Tinh tấn tuy là một tâm sở pháp, mà từ thân lực xuất hiện, nên gọi là thân tinh tấn. Như thọ là một tâm sở pháp, mà thọ tương ứng với năm thức, gọi là thân thọ, thọ tương ứng với ý thức, gọi là tâm thọ. Tinh tấn cũng như vậy, do thân lực siêng tu, hoặc hay bố thí, miệng tụng lời pháp, hoặc giảng thuyết pháp... Tinh tấn như vậy, gọi là thân tinh tấn.

Lại nữa, thực hành bố thí, trì giới, ấy là thân tinh tấn. Thực hành nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ ấy là tâm tinh tấn.

Lại nữa, siêng tu việc bên ngoài, ấy là thân tinh tấn. Tự chuyên tinh bên trong, ấy là tâm tinh tấn. Thô tinh tấn gọi là thân, tế tinh tấn gọi là tâm. Tinh tấn vì phước đức gọi là thân, tinh tấn vì trí tuệ gọi là tâm. Nếu Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chứng được vô sanh nhẫn, ở khoảng không gian ấy gọi là thân tinh tấn, vì sanh thân chưa xả. Khi chứng được vô sanh nhẫn, xả nhục sanh thân, được pháp tánh thân, cho đến khi thành Phật, ấy là tâm tinh tấn.

Lại nữa, Bồ-tát khi mới phát tâm, vì công đức chưa đủ nên gieo ba nhân duyên phước báo là bố thí, trì giới, thiện tâm, dần dần được phước báo đem thí cho chúng sanh, chúng sanh vẫn chưa được đầy đủ, lại rộng tu phước, phát tâm đại bi: “Hết thấy chúng sanh không đủ của cải, gây nhiều tội ác, ta đem chút của không thể làm cho đầy đủ được ý họ, ý họ rất bất mãn, thì họ không thể siêng năng lãnh thọ giáo hóa, không lãnh thọ đạo giáo thì không thể giải thoát sanh, già, bệnh, chết. Vậy ta phải tạo phước tiện lớn, cung cấp của cải cho đầy đủ!” Bèn vào biển cả, tìm các báu lạ, đập nguy nan leo lên núi để tìm thuốc hay, vào hang đá sâu để tìm vật lạ, nhựa đá, trân bảo để cung cấp cho chúng sanh. Hoặc làm như Tát-đà-bà (Sadāprarudita = Tát-đà-ba-luân: Thường-đề Bồ-tát) siêng cầu tài bảo để bố thí cho chúng sanh mà mạo qua đường hiểm, giặc cướp, sư tử, hổ lang, ác thú vẫn không cho là nạn. Cỏ thuốc, chú thuật có thể làm cho đồng biển thành vàng. Các thứ biến hóa như vậy, làm thành tài vật và vật vô chủ từ bốn phương đem cấp cho chúng sanh, ấy là thân tinh tấn. Được năm thần thông, có thể tự biến hóa làm các món ăn ngon, hoặc lên trời lấy thức ăn tự nhiên, như vậy gọi là tâm tinh tấn. Chứa các món tài vật để bố thí, ấy là thân tinh tấn. Do đức bố thí ấy mà đến được Phật đạo, ấy là tâm tinh tấn. Sanh thân Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật là thân tinh tấn. Pháp tánh thân Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật, ấy là tâm tinh tấn (chưa được pháp thân thì tâm theo thân, đã được pháp thân thì tâm không theo thân, thân tâm không hai).

Lại nữa, trong hết thấy pháp đều được thành tựu, không tiếc thân mạng, ấy là thân tinh tấn. Khi cầu hết cả thiền định, trí tuệ, tâm không

biếng nhác mỗi một, ấy là tâm tinh tấn.

Lại nữa, thân tinh tấn là chịu mọi sự siêng năng khổ nhọc, không bao giờ biếng nhác, phế bỏ. Như nói: Vua Phạm-ma-đạt nước Ba-la-nại đi dạo săn trong rừng thấy hai bầy nai, mỗi bầy đều có chủ, mỗi chủ có bầy nai năm trăm con. Một chủ có thân sắc bảy báu, ấy là Bồ-tát Thích-ca Văn, một chủ là Đề-bà-đạt-đa. Bồ-tát Chúa nai thấy đại chúng của vua người giết hại tùy tùng của nai, mới khởi tâm đại bi đi thẳng trước vua người, vua người đua nhau bắn, tên bay như mưa. Vua người thấy nai ấy cứ đi thẳng đến mình không chút sợ sệt, húy kỵ, liền ra lệnh cho kẻ tùy tùng thu cung tên lại, không được làm đứt mất ý muốn đi đến của chúa nai kia.

Chúa nai khi đã đến, quỳ xuống thưa với vua người rằng: “Vua chỉ vì dục lạc du hí là việc nhỏ mà bầy nai trong một lúc đều phải chịu chết khổ. Nếu vì cung cấp cỗ ăn ngon thì chúng tôi sẽ tự chia phần mỗi ngày đưa đến một con nai để cung cấp vào nhà bếp vua”. Vua khen lời ấy, chấp thuận theo ý Nai.

Bấy giờ chúa của hai bầy nai họp lại chia phần cứ tuần tự mỗi bầy ngày nộp một con. Trong bầy nai của Đề-bà-đạt-đa có con đang mang thai, đến phần phải tống nộp, đến thưa với chúa nó rằng: “Ngày nay thân tôi phải nộp vào chỗ chết, nhưng tôi đang mang đứa con trong bụng, không phải đến phần nó, xin dủ lòng liệu lý, để cho kẻ chết được đúng phần, kẻ sống không bị xâm phạm”. Chúa nai nổi giận nói: “Ai không tiếc mạng, đến phần chị phải đi, đâu được thoái thác!” Nai mẹ suy nghĩ: “Chúa ta bất nhân, không lẽ tha thứ, không chịu xét lời ta, nóng giận ngang trái, không để ta thưa nói gì nữa”. Liền đi đến chỗ Bồ-tát Chúa nai, đem tình thật thưa đủ. Chúa hỏi nai rằng: “Chúa người nói thế nào?” Nai đáp: “Chúa tôi bất nhân, không thấy liệu lý mà chỉ thấy nóng giận. Đại nhân là nhân từ khắp hết thủy, cho nên tôi đến quy mạng. Như tôi ngày nay, trời đất tuy rộng mà không biết nơi nào để cáo mách”. Bồ-tát suy nghĩ: “Đây rất đáng thương, nếu ta không liệu lý thì đứa con kia sẽ bị giết oan uổng! Nếu chẳng phải phần mà lại sai khiến thì chưa đến phần làm sao sai khiến được, chỉ có ta phải thay thế đó thôi”. Suy nghĩ đã chắc chắn, liền tự đi nộp mình, bảo nai mẹ trở lui: “Ta nay thay thế cho người, chớ có lo buồn”. Nai chúa đi thẳng đến cửa vua, mọi người trông thấy, lấy làm lạ: “Sao nó tự đi đến!” Đem chuyện thưa lại vua, vua cũng lấy làm lạ, bảo đi đến trước mặt hỏi rằng: “Các con nai đã tiết hết cả hay sao mà người đến?” Chúa nai đáp: “Đại vương nhân từ đến khắp bầy nai, không cho ai xâm phạm, nên chỉ có đông đúc, đâu có tiết

hết được! Tôi vì trong bầy nai khác có một con nai đang mang thai, sắp sanh con mà đến phiên phải thân đưa đến dao thớt thì đưa con kia phải mất mạng luôn nên đến cáo bày với tôi, tôi nghĩ nếu sai các con nai chưa đến phiên đi thế cũng không được, nếu để nó trở về mà không cứu được thì có khác gì cây đá! Thân này không bao lâu chắc không khỏi chết, nếu thương xót cứu vớt khổ ách thì công đức vô lượng. Nếu người không có từ tâm thì đâu khác hổ lang”. Vua nghe lời ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà nói kệ rằng:

*Ta thật là súc sanh,
Gọi là nai đầu người.
Người tuy là thân nai
Gọi là người đầu nai.
Lấy lý để mà nói,
Không lấy hình làm người.
Nếu có tâm từ huệ,
Tuy thú, thật là người.
Ta bắt đầu từ nay,
Không ăn mọi thứ thịt,
Ta thí điều không sợ,
Và để an ý người.*

Các con nai được ở yên, vua được tiếng nhân từ tin tưởng.

Lại nữa, như Phạm-chí Ái Pháp, mười hai tuổi đi khắp cõi Diêm-phù-đề cầu biết Thánh pháp mà không được, vì gặp lúc không có Phật. Phật pháp cũng tận hết. Có một Bà-la-môn nói: “Ta có một bài kệ Thánh pháp, nếu thật yêu pháp ta sẽ cho người”. Đáp: “Thật yêu pháp!” Bà-la-môn nói: “Nếu thật yêu pháp, hãy lấy da người làm giấy, xương người làm bút, lấy máu để chép thì ta sẽ cho người”. Liền đúng như lời ấy, phá xương lột da, lấy máu để chép kệ:

*Như pháp nên tu hành,
Phi pháp không nên thọ,
Đời này và đời sau,
Người hành pháp an ổn.*

Lại nữa, xưa lửa đồng đốt cháy rừng, trong rừng có một con trĩ, tự lực siêng năng bay vào trong nước, nhúng ướt lông cánh đem về dập tắt lửa lớn, lửa to nước ít, bay đi bay lại mệt nhọc không lấy làm khổ. Khi ấy thiên Đế-thích đi đến hỏi rằng: “Người làm gì vậy?” Đáp: “Tôi cứu rừng này, vì thương xót chúng sanh, rừng này là chỗ rộng rãi có bóng rợp, nuôi sống mát mẻ an ổn các chủng loại và các tôn thân của tôi cùng

các chúng sanh đều nương nhờ nơi đây. Tôi có thần lực, đâu được biếng nhác mà không cứu”. Đế-thích hỏi: “Người thật tinh tấn, như vậy phải đến bao lâu?” Trĩ đáp: “Đến chết là kỳ hạn”. Đế-thích nói: “Tâm người tuy như vậy, lấy chi làm chứng mà biết?” Liền tự thệ nguyện: “Tâm tôi chí thành, nếu chơn thật không hư dối, thì lửa liền dập tắt”. Khi ấy trời Tịnh-cư biết thệ nguyện của Bồ-tát, liền làm cho lửa tắt, nên từ xưa đến nay, chỉ có độc nhất rừng này tươi tốt, không bị lửa cháy.

Các hành ở đời trước như vậy, việc khó làm mà làm không tiếc thân mạng, quốc tài, vợ con, voi ngựa, bảy báu, đầu mắt, tủy não, siêng bố thí không biết mệt. Như đã nói Bồ-tát vì các chúng sanh mà trong một ngày ngàn lần chết ngàn lần sống. Giống như tinh tấn bố thí, thực hành trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ Ba-la-mật cũng tinh tấn như vậy.

Các tướng nhân duyên nói ở trong kinh Bồ-tát Bốn Sanh ấy, cũng là thân tinh tấn. Đối với các thiện pháp, tu hành tin vui, không sanh nghi ngờ hối hận, không biếng nhác mỗi mệt, theo các bậc Thánh Hiền xuống đến phàm phu, cầu pháp không nhằm chán, như biển nuốt dòng sông, ấy là tâm tinh tấn của Bồ-tát.

Hỏi: Tâm không biết nhàm đủ, việc ấy không đúng. Vì sao? Nếu việc cầu đã thành tựu, ước nguyện đã viên mãn, thì nên biết nhàm đủ, nếu biết lý không thể cầu, sự không thể thành biện, thì cũng nên buông bỏ, chớ sao lại thường không biết nhàm đủ? Như người đào giếng tìm nước; dụng công càng nhiều càng không thấy dấu hiệu nước, thì phải nên ngừng bỏ; cũng như đi đường đã đến chỗ ở rồi thì không còn đi nữa, chớ sao lại thường không biết nhàm chán đủ?

Đáp: Bồ-tát tinh tấn không thể lấy việc thế gian ví dụ so sánh, như đào giếng sức ít thì không thể có nước, chớ chẳng phải không nước. Nếu chỗ này không có, các chỗ khác ắt có, như có chỗ đến chắc chắn là cầu đến Phật, đến không nhằm chán, dạy người không biết mệt mỏi, cho nên nói không nhằm chán.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn, chí nguyện rộng lớn, thệ độ hết thủy, chúng sanh vô cùng tận, cho nên tinh tấn cũng không cùng tận. Ông nói việc xong rồi phải ngưng. Việc ấy không đúng. Tuy đã được đến Phật, mà chúng sanh chưa độ hết thì chẳng nên ngưng nghỉ. Ví như tướng lửa nếu không tắt thì luôn luôn cháy. Bồ-tát tinh tấn cũng như vậy, chưa vào diệt độ thì luôn luôn không ngưng nghỉ. Do vậy trong mười tám pháp bất cộng, hai pháp là dục và tinh tấn thường tu tập (là dục vô yếm và tinh tấn vô yếm).

Lại nữa, Bồ-tát không trú pháp mà trú trong Bát-nhã Ba-la-mật,

không bỏ tinh tấn, ấy là Bồ-tát tinh tấn chứ không phải Phật tinh tấn.

Lại nữa, Bồ-tát khi chưa được Bồ-tát đạo, với thân sanh tử đem việc tốt mà thí cho chúng sanh, chúng sanh lại đem việc không tốt gia hại Bồ-tát. Hoặc có chúng sanh, Bồ-tát khen ngợi lại đem lời hủy nhục, Bồ-tát cung kính lại đem tâm khinh mạn, Bồ-tát thương tưởng lại đi tìm lỗi Bồ-tát, mưu toan làm thương tổn. Các chúng sanh không có thể lực đến gây phiền não Bồ-tát, Bồ-tát đối với các chúng sanh ấy, phát thệ nguyện rộng lớn: “Ta đăc Phật đạo cốt để độ các chúng sanh ác hơn trong sự ác ấy, đối với các ác ấy, sanh tâm đại bi, không giải đãi, ví như từ mẩu thương con mình bệnh, lo nghĩ không dứt. Tướng trạng như vậy, ấy là Bồ-tát tinh tấn.

Lại nữa, khi hành Bồ thí Ba-la-mật, những kẻ đi xin từ mười phương đến muốn cầu xin, cái không đáng xin cứ đến xin, và những vật hệ trọng khó xả thí, nói với Bồ-tát: “Cho tôi hai mắt, cho tôi đầu óc, xương tủy, vợ con yêu quý và các trân bảo quý giá...” Những vật khó xả thí như vậy, kẻ đi xin cứ nài xin cho được, mà tâm Bồ-tát vẫn bất động, không khởi ý keo kiệt, sân hận, không sanh tâm nghi ngại mà chỉ một lòng vì Phật đạo nên bố thí. Ví như núi Tu-di, gió bốn phương thổi đến không làm lay động được. Các tướng trạng như vậy, gọi là Tinh tấn Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tinh tấn là tu đủ cả năm Ba-la-mật kia, ấy là Tinh tấn Ba-la-mật.

Hỏi: Có người đến xin ba y, và bình bát, nếu cho thì phá giới. Vì sao? Vì Phật không cho phép, nếu cho thì phá Đàn Ba-la-mật. Như vậy tinh tấn làm sao mà thực hành đủ cả năm Ba-la-mật kia?

Đáp: Nếu Bồ-tát mới tu thì không thể một đời một thời thực hành đủ cả năm Ba-la-mật. Ví như khi Bồ-tát thực hành Đàn Ba-la-mật, thấy Cọp đói quá muốn ăn con nó, bấy giờ Bồ-tát phát tâm đại bi, liền đem thân thí cho. Cha mẹ Bồ-tát vì mất con mình, ưu sầu áo não, hai mắt bị mù. Cho cọp giết, Bồ-tát cũng phải mắc tội, vì không trừ tính cha mẹ ưu khổ, và Cọp mắc tội giết nhưng chỉ vì muốn đầy đủ Đàn Ba-la-mật, tự được phước đức.

Lại như Tỳ-kheo trì giới, tùy theo sự khinh trọng, đuổi các người phạm giới, người bị đuổi âu sầu phiền não, nhưng chỉ muốn trì giới, không thương sự khổ của người kia. Hoặc có khi thực hành Bát-nhã thế tục, dứt tâm từ bi, như Bồ-tát Thích-ca Mâu-ni kiếp trước làm Thái tử của đại Quốc vương, Vương phụ, có người thầy Phạm chí đến dối gạt là không ăn ngũ cốc, mọi người tin theo cung kính cho là kỳ lạ. Thái tử suy nghĩ: “Con người có tứ chi, phải nhờ ăn ngũ cốc nuôi sống mà người này

không ăn, chắc là quanh co để lấy lòng người chứ không phải thật”. Cha mẹ bảo con: “Người này tinh tấn nên không ăn, đó là điều hiếm có trên đời, con sao quá ngu mà không cung kính?”. Thái tử đáp: “Xin tế nhị lưu ý người này, không bao lâu chứng nghiệm sẽ tự bại lộ ra”. Bấy giờ Thái tử tìm đến chỗ người ấy ở trong rừng, hỏi kẻ chăn trâu trong rừng: “Người ấy ăn những thứ gì?” Kẻ chăn trâu đáp: “Người ấy nửa đêm ăn ít nhiều váng sữa để toàn mạng”. Thái tử biết thế rồi trở về cung muốn đưa ra sự chứng nghiệm ấy, liền lấy các thứ thuốc xổ ướp vào Hoa sen xanh, sáng ngày Phạm chí đi vào cung ngồi bên vua, Thái tử tay cầm Hoa sen ấy đến cúng dường, vái chào xong trao hoa cho Phạm chí. Phạm chí vui mừng nghĩ rằng: “Vua và phu nhân lớn nhỏ trong ngoài đều phụng sự ta, chỉ có Thái tử không tin tưởng cung kính, mà nay đem hoa đẹp cúng dường, thật quá tốt không lường! Được hoa đẹp ấy rồi, vì kính người đã cúng dường cho mình, nên đưa hoa lên mũi người, hơi thuốc trong hoa đi vào bụng, giầy lát thuốc hành trong bụng, muốn tìm chỗ đi xổ. Thái tử nói: “Phạm chí không ăn, vì sao đến nhà xí?” Bắt gấp đi, giầy lát mửa ở bên vua, trong đó thấy toàn là váng sữa. Chứng nghiệm đã rõ ràng, vua và phu nhân mới biết nó đối trá. Thái tử nói: “Người này là giặc thật! Vì cầu danh mà dối gạt cả một nước”.

Như vậy thực hành Bát-nhã thế tục, chỉ muốn cầu đầy đủ trí tuệ mà xâm phạm đến lòng thương, không sợ người ta giận.

Hoặc có khi Bồ-tát thực hành Bát-nhã xuất thế gian, đối với việc bố thí, trì giới tâm không nhiễm trước. Vì sao? Vì đối với người thí, người thọ và tài vật bố thí, tội và không tội, sân và không sân, tinh tấn và giải đãi, nhiếp tâm và tán tâm, đều là không thể có được (Bất khả đắc)

Lại nữa, Bồ-tát thực hành tinh tấn Ba-la-mật, đối với hết thảy các pháp vốn là bất sanh, bất diệt, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ chẳng phải vui, chẳng phải không chẳng phải thật, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chẳng phải nhất chẳng phải dị, chẳng phải có chẳng phải không. Biết rõ các pháp đều do nhân duyên hòa hợp, chỉ có tên gọi, còn thật tướng là không thể có được.

Bồ-tát quán như vậy, biết hết thảy pháp hữu vi đều là hư dối, tâm ngưng dứt không tạo tác, muốn diệt bỏ tâm, chỉ lấy sự tịch diệt làm an ổn. Nhưng bấy giờ, vì nhớ đến bốn nguyện thương xót chúng sanh, nên trở lại thực hành Bồ-tát pháp, nhóm các công đức. Bồ-tát tự suy nghĩ: “Ta tuy biết các pháp là hư dối, nhưng chúng sanh không biết việc ấy, nên phải chịu các thống khổ trong năm đường, ta nay phải thực hành đầy đủ sáu Ba-la-mật” Bồ-tát được quả báo khi sinh ra có thần thông, cũng

chứng được Phật đạo, đủ Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp, tất cả Trí tuệ, Đại từ Đại bi, Vô ngại giải thoát, Mười lục, Bốn điều không sợ, Mười tám pháp bất cộng, Ba đạt minh ... và vô lượng các Phật pháp. Khi được các pháp ấy, tất cả chúng sanh đều có được tâm tin thanh tịnh, đều lãnh thọ hành trì, ưa vui Phật pháp. Thành tựu được việc này là đều do sức của tinh tấn Ba-la-mật, ấy là tinh tấn Ba-la-mật. Như Phật đã nói: Bồ-tát tinh tấn không còn thấy thân, không còn thấy tâm, thân không tạo tác, tâm không nghĩ tưởng, thân tâm nhất mực bình đẳng không phân biệt, cầu Phật đạo để độ chúng sanh, nhưng không thấy chúng sanh là bờ này, Phật đạo là bờ kia; hết thấy sự tạo tác nơi thân tâm đều phóng xả, như trong mộng có động tác, khi thức không có làm chi, ấy là tịch diệt mọi tinh tấn, nên gọi là Ba-la-mật. Vì sao? Vì biết hết thấy mọi tinh tấn đều là tà ngụy, vì hết thấy các pháp đều là hư vọng không thật, như mộng như huyễn, các pháp bình đẳng, mới là chơn thật. Trong pháp bình đẳng thì không có sự cầu xin gì. Cho nên biết hết thấy các pháp tinh tấn đều là hư vọng. Tuy biết tinh tấn đều là hư vọng, mà vẫn thành tựu không thối chuyển, ấy gọi là Bồ-tát tinh tấn chơn thật. Như Phật nói: “Ta ở trong vô lượng kiếp, thí cả đầu mắt tủy não cho chúng sanh khiến được mãn nguyện.

Khi trì giới, nhẫn nhục, thiền định ở trong rừng núi, thân thể khô khao, hoặc trì trai bớt ăn, hoặc dứt các thứ sắc vị, hoặc nhẫn chịu sự tai họa mạ nhục, đao gậy, do vậy thân thể tiêu khô. Lại thường tọa thiền, siêng khổ không kể năng sướng, để cầu trí tuệ, tụng kinh, suy nghĩ, vấn nạn, giảng thuyết các pháp, dùng trí phân biệt tốt xấu, thô tế, hư thật, nhiều ít, cúng dường vô lượng chư Phật, ân cần tinh tấn cầu các công đức ấy, muốn đầy đủ năm Ba-la-mật. Ta khi ấy chưa được gì; chẳng được bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ Ba-la-mật. Thấy đức Phật Nhiên-Đăng, Ta lấy năm cành hoa rải trên Phật, trải tóc trên bìn (Để Phật đi qua) liền chứng được Vô sanh Pháp nhẫn, tức thời cả sáu Ba-la-mật được đầy đủ, đứng giữa hư không ca ngợi đức Phật Nhiên-Đăng, trông thấy mười phương vô lượng các Phật khi ấy mới được tinh tấn.

Thân tinh tấn bình đẳng nên tâm được bình đẳng, tâm bình đẳng nên được các pháp bình đẳng. Các tướng trạng nhân duyên như vậy, gọi là Tinh tấn Ba-la-mật.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 17

9. GIẢI THÍCH THIÊN BA-LA-MẬT

KINH: Do không loạn, không ưa đắm, nên đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Bồ-tát là lấy việc độ hết thấy chúng sanh làm sự nghiệp, cố sao lại ngồi nhàn trong rừng, chăm, ở yên lặng trong núi, lo tốt riêng cho mình mà bỏ rơi chúng sanh?

Đáp: Thân Bồ-tát tuy xa lìa chúng sanh, mà tâm thường không bỏ, ở chỗ yên vắng cầu định, chứng được trí tuệ chơn thật để độ hết thấy. Ví như lúc uống thuốc nuôi thân, tạm thời dứt mọi công việc, đến khi khí lực bình phục, tráng kiện thì làm việc lại như cũ. Bồ-tát ở yên lặng cũng như vậy, dùng sức thiền định, uống thuốc trí tuệ, được đức thần thông, trở lại ở với chúng sanh, hoặc ở với cha mẹ, vợ con, hoặc thầy trò tông trưởng, hoặc trời hoặc người, xuống đến súc sanh, dùng các thứ ngữ ngôn, phương tiện khai đạo.

Lại nữa, Bồ-tát thực hành ba sự là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, gọi là phước đức môn, trong vô lượng đời được làm Thiên-vương, Thích-đề-hoàn-nhơn, Chuyển luân Thánh vương, Diêm-phù-đề vương, thường đem y phục bảy báu thí cho chúng sanh, theo sự ưa muốn của năm căn, đời này đời sau đều làm cho đầy đủ, như trong kinh nói Chuyển luân Thánh vương đem mười điều thiện dạy dân tu, đời sau đều được sanh lên cõi trời, đời đời làm lợi ích chúng sanh khiến được vui sướng. Nhưng cái vui ấy vô thường, còn trở lại chịu khổ, Bồ-tát nhân đó phát tâm đại bi, muốn đem cái Niết-bàn thường vui làm lợi ích chúng sanh. Niết-bàn thường vui này từ trí tuệ chơn thật sanh, trí tuệ chơn thật lại từ nhất tâm thiền định sanh, ví như đốt đèn, đèn tuy cháy đỏ nhưng ở giữa gió to thì không thể dùng được, nếu để nhà kín, công dụng của nó mới toàn vẹn.

Trí tuệ ở giữa tán tâm cũng như vậy, nếu không có nhà thiền định yên lặng, thì có trí tuệ mà công dụng của nó không toàn, nếu được có thiền định thì trí tuệ chơn thật sanh. Do vậy nên Bồ-tát tuy xa lìa chúng sanh, ở chỗ xa vắng, để cầu được thiền định. Do thiền định thanh tịnh nên trí tuệ cũng thanh tịnh, ví như dầu và tim sạch thì ánh sáng trong. Do vậy nên người muốn được trí tuệ thanh tịnh, phải thực hành thiền định.

Lại nữa, nếu muốn cầu việc thiền cận của thế gian, mà không chuyên tâm thì sự nghiệp cũng không thành, hướng gì cầu Phật đạo thậm thâm mà lại không dùng đến thiền định? Thiền định là thu nhiếp các loạn tâm, loạn tâm nhẹ bay hơn cả lông hồng, chạy tán loạn không dừng, nhanh hơn gió lốc, không thể cầm chỉ, quá hơn khỉ vượn, vừa hiện liền mất, nhanh hơn điện chớp. Tâm tướng như vậy, không thể cầm chỉ, nếu muốn chế ngăn mà không tu thiền không thể định được, như kệ nói:

*Thiền là kho giữ trí,
Là ruộng phước công đức,
Thiền là nước thanh tịnh,
Rửa sạch các dục trần.
Thiền là áo Kim-cang,
Ngăn mũi tên phiền não,
Tuy chưa chứng Vô dư,
Đã được phần Niết-bàn.
Chứng tam muội Kim-cang,
Xô nát núi kiết sử,
Được sáu thần thông lực,
Hoá độ vô lượng người.
Bụi bay che mặt trời,
Mưa lớn làm tan mất,
Gió giác quán tán tâm,
Thiền định làm tiêu diệt.*

Lại nữa, thiền định khó được, hành giả nhất tâm chuyên cầu, mới thành tựu được. Chư Thiên và thần tiên còn không thể thành được huống chi người phàm phu giải đãi! Như Phật tọa thiền dưới gốc cây Ni-câu-lô, ba người con gái của Ma vương thuyết kệ hỏi rằng:

*Độc tọa giữa rừng cây,
Sáu căn thường tịnh lặng,
Hay là mất trần bảo,
Nên không thoát sầu khổ.
Dung mạo đời không bằng,*

*Mà thường nhắm mắt ngồi,
Lòng chúng tôi có nghi:
Cầu gì mà ở đây?*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta được vị Niết-bàn,
Không ưa chỗ nhiễm ái,
Giặc trong ngoài đã trừ,
Cha người cũng lui mất.
Ta được vị cam-lô,
An lạc ngồi trong rừng,
Chúng sanh bị ân ái,
Vì chúng khởi sầu tâm.*

Khi ấy ba người con gái sanh hổ thẹn mà tự nói rằng: “Người này ly dục không thể động được, liền biến mất không hiện.

Hỏi: Thực hành phương tiện gì mà được thiền Ba-la-mật?

Đáp: Bỏ năm sự (năm trần), trừ năm pháp (năm triền cái), hành năm hành (Sơ thiền năm chi là tâm, tứ, hỷ, lạc, xả).

Thế nào là bỏ năm sự? Đó là phải mắng trách năm dục. Thương thay chúng sanh thường bị năm dục làm bức não, mà vẫn tìm cầu không nghĩ. Năm dục này, được nó thì càng dữ dội hơn như lửa hơ ghẻ; năm dục vô ích như chó gặm xương; năm dục tăng sự tranh giành như quạ giành thịt; năm dục thiêu đốt người như ngược gió cầm đuốc; năm dục hại người như đạp rắn độc; năm dục không thật như vật được trong mộng; năm dục không bền như vay mượn giấy lát. Người đời u mê tham đắm năm dục, đến chết không bỏ, vì nó mà đời sau chịu vô lượng khổ. Ví như người ngu ham đắm quả ngon, leo lên cây ăn, không chịu trụt xuống, người đốn cây, cây ngã bị rớt, thân đầu tan nát, đau khổ mà chết. Lại năm dục này, khi được vui chốc lát, khi mất khổ quá nhiều. Mật ngọt dính đầu mũi dao, kẻ thích ngọt ham liếm không biết họa đứt lưỡi. Năm dục ở chung với súc sanh, người trí biết rõ tự xa lìa được. Như nói có một Ưu-bà-tắc, cùng các khách buôn đi xa tìm kế sống, gặp lúc tuyết lạnh, đêm đi lạc bạn, tạm trú trong một hang đá, khi ấy thần núi biến làm một người nữ đi đến muốn thử, nói kệ rằng:

*Tuyết trắng phủ núi rừng,
Chim thú đều ẩn núp,
Tôi không nơi nương cậy,
Xin dũ lòng xót thương*

Ưu-bà-tắc lấy hai tay bịt tai mà đáp kệ rằng:

*Kẻ ác không biết hổ,
Nói lời bất tịnh ấy,
Nước trôi lửa cháy đi,
Không muốn nghe tiếng ấy.
Có vợ lòng không dục,
Hướng gì tạo tà dâm,
Các dục vui rất cạn,
Đại khổ hoạn rất sâu.
Các dục được không chán,
Mất nó khổ rất lớn.
Chưa được mong cho được,
Được rồi bị khổ nảo.
Các dục vui rất ít,
Ưu khổ độc rất nhiều,
Vì nó mất thân mạng,
Như muỗi sa vào đèn.*

Thần núi nghe kệ đó xong, liền vác người ấy đưa đến giữa chúng bạn. Ấy là kẻ trí quả trách dục, không thể để cho đắm trước.

Năm dục là sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, xúc mịn. Muốn cầu thiên định đều phải xa bỏ nó.

- Thế nào là xa bỏ sắc? Quán xét tai họa của sắc. Người đắm sắc, các ngọn lửa kiết sử đều bùng cháy, thiêu hại thân người, cũng như lửa đốt vàng bạc, nước sôi, mật nóng, tuy có sắc đẹp vị ngon, nhưng làm đốt thân cháy miệng, phải gấp xa bỏ nó. Nếu người nhiễm đắm sắc đẹp, vị ngon cũng như vậy.

Lại nữa, đẹp xấu tại người, chứ sắc không nhất định. Sao biết? Như ở xa trông thấy người đáng yêu liền sanh tâm yêu mừng; nếu ở xa trông thấy người hung ác oan gia liền sanh tâm oán hại; nếu trông thấy người không oán không thương, thì không giận không mừng. Nếu muốn dứt bỏ tánh mừng, tánh nóng giận, thì phải trừ tà niệm và sắc, xả bỏ cả hai trong một lần. Ví như nấu vàng chảy cháy thân, nếu muốn trừ nó không thể chỉ bỏ lửa giữ lại vàng, mà phải vàng và lửa đều bỏ. Như vua Tần-bà-ta-la, vì mê sắc nên thân vào nước địch ở một mình trong phòng dâm nữ A-phạm-bà-la. Vua Ưu-điền vì nhiễm đắm sắc nên mới cắt tay chân năm trăm tiên nhân. Các nhân duyên như vậy, gọi là mắng trách sắc dục.

- Thế nào là mắng trách tiếng? Tướng của âm thanh không dừng, vừa nghe được liền mất, người ngu si không hiểu tướng âm thanh vô thường biến mất như vậy nên đối với âm thanh, sanh tâm ưa thích một

cách sai lầm, đối với âm thanh đã trôi qua còn nhớ lại mà sanh tâm đắm trước. Như năm trăm tiên nhân tu ở trong núi, nghe tiếng của gái Chân-đà-la ca lên khi đang tắm trong ao núi Tuyết, liền mất thiền định, tâm mê say cuồng dật, không còn tự giữ được. Ví như gió lớn thổi các cây rừng, nghe tiếng ca dịu dàng êm ái, trong trẻo ấy, sanh niệm tưởng tà vạy, cho nên không tự giác được tâm cuồng loạn, đời này mất các công đức, đời sau phải đọa đường ác. Người có trí quán biết âm thanh niệm niệm sanh diệt, trước sau không cùng lúc, không theo kịp nhau. Biết được như vậy thì không sanh tâm nhiễm trước. Những người trí như thế, âm nhạc của chư Thiên còn không làm loạn được huống là âm nhạc của loài người? Các nhân duyên như vậy, là mắng trách dục về âm thanh.

- Thế nào là mắng trách hương? Có người nói đắm hương ít tội, nhưng nhiễm ái hương thì sẽ mở cửa cho các kiết sử, nên tuy trăm năm trì giới, có thể một ngày mất hết. Như vị A-la-hán thường vào Long cung ăn xong đưa bình bát cho Sa-di rửa, trong bát còn thừa vài hạt đồ ăn, Sa-di ngửi thấy rất thơm, ăn rất ngon mới tìm cách vào núp dưới giường dây của Thầy, hai tay nắm chặt chân giường, khi Thầy đi thì cả cái giường cùng vào Long cung, rồng nói: “Người này chưa đắc đạo, vì sao đem đến?” Thầy nói: “Vì tôi không biết...”

Sa-di đã được ăn cơm lại thấy Long nữ thân thể đoan chánh, thơm đẹp không ai bằng, tâm rất nhiễm trước, liền ước nguyện rằng: “Ta sẽ tạo phước, chiếm lấy chỗ rồng ở, vào cung điện rồng”. Rồng nói: “Lần sau chớ đem Sa-di ấy đến”.

Sa-di trở về rồi, nhất tâm lo bố thí, trì giới, chuyên cầu sở nguyện, nguyện sớm được làm rồng. Khi đi nhiều quanh chùa, dưới chân có nước trôi lên, tự biết chắc được làm rồng, liền đi thẳng đến bên ao lớn, chỗ trước kia Thầy đi vào, lấy Cà-sa trùm đầu mà vào, liền chết biến làm rồng lớn, do phước đức lớn, nên giết rồng kia, cả ao đều đỏ. Trước khi xảy ra việc ấy, Thầy và chúng Tăng quở trách, Sa-di nói: “Tâm tôi đã định, tướng của tâm đã xuất hiện”. Bấy giờ Thầy đưa chúng Tăng đi đến ao xem. Các nhân duyên như vậy là vì mê đắm mùi thơm.

Lại nữa, có một Tỳ-kheo đi kinh hành bên ao sen ở trong rừng, nghe mùi sen thơm, mũi ngửi tâm đắm, vị Thần ao nói: “Sao ông bỏ chỗ ngồi thiền định ở trong rừng kia, mà trộm hương của ta?” Vì đắm hương nên các kiết sử trước kia đã nằm xuống nay đều tỉnh dậy. Khi ấy lại có một người đi vào ao bẻ lấy nhiều hoa, bứng kéo gốc rễ, bỏ bậy bạ mà đi, thần ao lặng lẽ không nói gì. Tỳ-kheo thấy vậy nói: “Người này phá ao ông, lấy hoa ông, ông không nói gì cả; còn tôi chỉ đi bên bờ ao, lại bị ông

quả mắng cho là tôi ăn trộm hương?” Thần ao nói: “Người thế gian xấu ác thường ở trong phân nhơ tội cấu, bất tịnh, ngập đầu, nên không nói tới. Còn ông là người tốt hành thiện, mà đấm hương ấy, phá mất việc tốt của ông, cho nên ta quở ông. Ví như lụa trắng tinh khiết mà bị dính một điểm đen thì ai cũng thấy, còn người ác kia ví như áo đen có thêm chấm đen, người ta cũng không thấy, ai hỏi làm chi. Các nhân duyên như vậy là mắng trách hương dục.

- Thế nào là mắng trách vị? Nên tự giác ngộ ta chỉ vì tham đấm vị ngon mà phải chịu các khổ, nước đồng sôi rót vào miệng, nuốt hoàn sắt nóng. Nếu không quán sát đồ ăn, tâm ham thích dính mắc, phải đọa trong loài trùng bất tịnh. Như một Sa-di tâm thường ưa thích váng sữa, khi các Đàn-việt thiết đãi chúng Tăng váng sữa, Sa-di được mỗi phần thừa, tâm ưa đấm, vui mừng không nguôi, sau khi mạng chung sanh vào trong bình váng sữa thừa ấy. Thầy của Sa-di đã chứng được đạo quả A-la-hán, mỗi khi Tăng chia thứ váng sữa, thì Thầy nói: “Từ từ! Chớ làm tổn thương kẻ Sa-di ưa váng sữa ấy”. Mọi người nói: Đó là loài trùng, sao lại gọi là Sa-di ưa váng sữa?” Thầy đáp: “Con trùng ấy vốn là Sa-di của tôi, chỉ vì tham váng sữa thừa nên sanh ra trong bình đó.” Thầy được phần váng sữa, trùng từ trong bò ra, thầy nói: “Người ưa váng sữa hay sao mà người đến đây?” Liền lấy váng sữa đưa cho.

Lại nữa, như một nước nọ, vua tên là Nguyệt Phần, vua có Thái tử ưa đấm vị ngon, người giữ vườn của vua một ngày đưa đến một quả ngon. Trong vườn có một cây lớn, trên cây có chim mẹ đang nuôi con, chim mẹ thường bay đến trong núi hương lấy trái thơm ngon để nuôi con, bầy con dành nhau, một quả rơi xuống đất, người giữ vườn sáng sớm trông thấy cho là phi thường kỳ lạ, liền nhặt đem cho vua, vua quý quả ấy thơm đẹp khác thường, Thái tử thấy đòi xin, vua thương con liền cho. Thái tử ăn quả được mùi vị đó, tâm nhiễm đấm sâu xa, muốn được quả mỗi ngày. Vua liền gọi người giữ vườn đến hỏi lý do của quả ấy. Người giữ vườn nói quả ấy không có trồng, từ đất lượm được, chẳng biết do từ đâu đến.

Thái tử khóc lóc không chịu ăn, vua thúc dục quở trách người giữ vườn: “Người hãy kiếm cho được”. Người giữ vườn đi đến chỗ lượm quả, thấy có ổ chim, biết chim ngậm quả đem đến, dấu thân trên cây, rình để lấy, khi chim mẹ bay đến, liền cướp quả đem vua, cứ mỗi ngày như vậy, chim mẹ nổi giận, bay đến trong núi Hương lấy quả độc, hương vị sắc toàn giống như quả trước, người giữ vườn cướp được đem nộp cho vua, vua cho Thái tử ăn, trong chốc lát thân thịt bị rã nát mà chết. Các nhân

duyên như vậy là mắng trách vị dục.

- Thế nào là mắng trách xúc? Xúc là nguyên nhân lớn sanh ra các kiết sử, là gốc rễ trôi buộc tâm. Vì sao? Vì bốn căn kia mỗi thứ đương lấy phần của mình, còn xúc này ở khắp thân thức, vì chỗ phát sanh rộng, nên sanh nhiều nhiễm trước, sự nhiễm trước này khó lìa. Vì sao? Như người nhiễm trước sắc, quán thân có ba mươi sáu thứ bất tịnh thời sanh tâm nhàm chán, còn nếu sanh nhiễm trước xúc, thời tuy biết là bất tịnh nhưng lòng tham xúc tinh tế êm dịu, quán bất tịnh không có ích, thế nên khó lìa.

Lại nữa, vì nó khó xả cho nên thường vì nó mà gây trọng tội. Nếu đọa địa ngục, địa ngục có hai bộ: Một là băng lạnh, hai lửa cháy. Trong hai ngục này đều lấy thân xúc chịu tội, khổ độc muôn mối. Xúc là chỗ đại hắc ám, là đường hiểm nguy nan... Các nhân duyên như vậy là mắng trách xúc dục mê mại. Như vậy là mắng trách năm dục.

Trừ năm cái (che lấp), người bị tham dục cái thì cách đạo rất xa. Vì sao? Vì dục là trú xứ của các thứ não loạn; nếu tâm tham đắm dục thì không do đâu gần đạo được. Như bài kệ trừ dục cái nói:

*Người vào đạo biết hổ thẹn,
Ôm bát làm phước chúng sanh.
Tại sao phóng túng trần dục,
Chìm đắm vào nơi năm căn.
Mặc giáp cầm dao gậy,
Thấy giặc bỏ chạy lui,
Người khiếp nhược như thế,
Người đời đều khinh cười.
Tỳ kheo làm khát sĩ,
Cạo tóc mặc Cà-sa,
Bị ngựa năm căn cầm.
Chuồn cười cũng như thế.
Lại như người hào quý,
Mặc đẹp để nghiêm thân,
Mà đi xin cơm áo,
Chuồn cười nơi mọi người.
Tỳ-kheo bỏ trang sức,
Xấu hình để nhiếp tâm,
Mà còn cầu dục lạc,
Chuồn cười cũng như thế..
Đã xả năm dục lạc,*

Bỏ đi không ngó lại,
Tại sao lại muốn được,
Như ngu mửa ăn lại.
Người tham dục như vậy,
Không biết xét bản nguyện,
Cũng không biết tốt xấu,
Cuồng say theo khát ái.
Pháp tôn trọng tâm quý,
Tất cả đều bỏ hết,
Hiền trí không thân cận,
Kẻ ngu si ưa gần.
Các dục khi cầu khổ,
Được rồi nhiều sợ hãi,
Khi mất lòng sầu não,
Mọi thời đều không vui.
Các dục hoạn như vậy,
Lấy gì xả bỏ nó?
Được các vui thiên định,
Thời không bị đối gạt.
Dục lạc đắm không chán,
Lấy gì diệt trừ được?
Nếu được bất tịnh quán,
Tâm ấy tự nhiên không.
Đắm dục không tự giác,
Lấy gì ngộ được tâm?
Hãy quán già bệnh chết,
Mới ra khỏi bốn châu.
Các dục khó phóng xả,
Lấy gì xa được nó?
Nếu ưa vui thiện pháp.
Dục ấy tự nhiên dứt.
Các dục khó mở được,
Lấy gì để mở nó
Quán thân biết thật tướng,
Thời không bị ràng buộc.
Các pháp quán như vậy,
Diệt được các lửa dục.
Ví như đổ mưa lớn,

Dập tắt hết hỏa hoạn.

Các nhân duyên như vậy là diệt trừ được dục cái.

Người bị sân nhuế cái thì mất gốc các thiện pháp, là nguyên nhân đọa vào các ác đạo, oan gia của pháp lạc, giặc lớn của thiện tâm, kho chứa các thứ ác khẩu. Như Phật nói kệ dạy đệ tử hay sân rằng:

*Người nên biết suy nghĩ,
Thọ thân ở trong thai.
Nhờ nhớp tối tăm khổ,
Sanh được cũng gian nan.
Đã được ý nghĩ này,
Mà còn không diệt sân.
Thì nên biết bọn ấy,
Chính là người vô tâm.
Nếu không quả báo tội,
Cũng không bị quả trách.
Cho nên phải từ nhẫn,
Hướng người nhiều khổ quả.
Hãy quán già bệnh chết,
Không một ai tránh khỏi.
Nên khởi tâm từ bi,
Cớ sao đem ác hại.
Chúng sanh giặc oán nhau,
Đâm chém chịu khổ độc.
Cớ sao người tu thiện,
Mà còn gây khổ hại.
Thường nên hành từ bi,
Định tâm tu các thiện,
Không nên ôm ác ý,
Xâm hại đến tất cả.
Nên siêng tu đạo pháp,
Việc nào hại không làm,
Thiện ác thế không đều,
Như nước lửa trái nhau.
Sân giận che lấp tâm,
Không biết được tốt xấu,
Cũng không biết lợi hại,
Không biết sợ ác đạo.
Không kể người khổ nào,*

Không biết thân tâm mệt,
 Trước tự chịu nhân khổ,
 Sau đem khổ đến người.
 Nếu muốn dứt sân giận,
 Hãy suy nghĩ từ tâm,
 Tự độc cư thanh nhàn,
 Ngừng việc dứt nhân duyên.
 Nên sợ già bệnh chết,
 Chín thứ sân não trừ,
 Như vậy tư duy “từ”.
 Thời dứt được sân độc.

Các nhân duyên như vậy, trừ sân nhuế cái.

Thùy miên cái là có thể phá hỏng ba việc của đời này là dục lạc, lợi lạc và phước đức, có thể phá hỏng cái vui sướng của đời này đời sau không khác gì người chết, chỉ còn có hơi thở. Như một vị Bồ-tát nói kệ quả trách đệ tử ưa ngủ rằng:

Người dậy chớ ôm thân thối nằm,
 Đủ thứ bất tịnh giả danh người,
 Như mắc trọng bệnh, tên vào thân,
 Các thống khổ hợp, đâu được ngủ!
 Lửa chết đốt hết thấy thế gian,
 Người đang cầu ra, không được ngủ!
 Như người bị trời đem đi giết,
 Tai hại đến nơi, đâu được ngủ!
 Giấc kết chưa dứt, hại chưa trừ,
 Như cùng rắn độc ngủ chung nhà,
 Cũng như lâm trận giữa gươm bén.
 Bấy giờ đâu thể được ngủ nghỉ,
 Ngủ là tối tăm không thấy gì,
 Ngày ngày đối gạt cướp sáng người,
 Vì ngủ che tâm không hiểu gì,
 Tội lỗi như vậy đâu được ngủ!

Các nhân duyên như vậy, là mắng trách thùy miên cái.

Trạo hối cái: trạo là dao động, phá hại tâm xuất gia, như người chú tâm, còn không thể trụ được, huống chi dao động, tán loạn. Người dao động tán loạn như voi say không móc câu, như lạc đà sút mũi, không thể cầm chỉ, như kệ nói:

Người đã cạo đầu mặc cà-sa,

*Cầm bình bát đất đi khát thực,
 Tại sao vui đắm sự trạo hý,
 Đã không pháp lợi, mất thế lạc.*

Hối là như người phạm tội lớn, thường ôm lòng sợ hãi, mũi tên hối hận găm vào lòng, cứng không thể nhỏ, như kệ nói:

*Không nên làm mà làm,
 Nên làm mà không làm,
 Lửa hối não thiêu đốt.
 Đời sau đọa ác đạo.
 Nếu người tội biết hối,
 Hối rồi nên phóng xả,
 Như vậy tâm an vui,
 Không nên thường dính mắc.
 Có hai thứ hối hận,
 Không làm hoặc đã làm,
 Do thế, hối dính tâm,
 Ấy là tướng người ngu.
 Không vì tâm hối hận,
 Không làm mà hay làm,
 Các việc ác đã làm,
 Không thể khiến không làm.*

Các nhân duyên như vậy, là mắng trách trạo hối cái.

Nghi cái là nghi ngờ che lấp nên không được định tâm đối với các pháp. Định tâm không có nên đối với Phật pháp trống không, không được gì. Ví như người đi vào núi báu, nếu không có tay thì không thể lấy được gì. Như bài kệ nói về nghĩa “Nghi” rằng:

*Như người ở đường rẽ,
 Nghi hoặc không chỗ tới,
 Đối các pháp thật tướng,
 Nghi hoặc cũng như vậy.
 Vì nghi không cần cầu.
 Thật tướng của các pháp,
 Nghi ấy từ si sanh,
 Tệ ác trong tệ ác.
 Trong pháp thiện bất thiện,
 Sanh, tử và Niết-bàn,
 Là pháp quyết thật có,
 Nơi đó chớ sanh nghi.*

*Người nếu sanh tâm nghi,
Thần chết, sứ ngục trói,
Như sư tử bắt nai,
Không thể được giải thoát.
Ở đời tuy có nghi,
Nên theo pháp diệu thiện,
Ví như xem đường rẽ,
Đường tốt ấy nên đi.*

Các nhân duyên như vậy nên xả bỏ nghi.

Bỏ được năm cái (ngăn che) ấy, như mắc nợ được thoát, bệnh nặng được lành, ở chỗ đói khát được đến nước giàu, như từ ngục được ra, như trong chỗ giặc ác được tự thoát khỏi, an ổn không hoạn nạn. Hành giả cũng như vậy, trừ bỏ năm cái thì tâm được an ổn, thanh tịnh khoái lạc. Ví như mặt trời, mặt trăng bị năm thứ che mờ là khói, mây, bụi, mù, tay La-hầu A-tu-la che, thì không thể soi sáng. Tâm người cũng như vậy, bị năm cái che ngăn tự mình không lợi cũng không thể ích người.

Nếu hay quở trách năm dục, trừ năm cái, hành năm pháp là dục, tinh tấn, niệm, xả tuệ, nhất tâm, hành năm pháp này thì được năm chi, thành tựu Sơ thiên.

Dục là muốn ra khỏi Dục giới, muốn được Sơ thiên.

Tinh tấn là xuất gia trì giới, đầu đêm, cuối đêm chuyên tinh không giải đãi, tiết chế ăn uống, nhiếp tâm không cho dong ruổi, tán loạn.

Niệm là nghĩ tới cái vui ở Sơ thiên, biết Dục giới bất tịnh, cuồng loạn, mê hoặc, đáng khinh, còn Sơ thiên là tôn trọng đáng quý.

Xả tuệ là quán sát, so lường với cái vui ở Dục giới, cái vui ở Sơ thiên nặng nhẹ, được mất.

Nhất tâm là thường buộc tâm vào trong một duyên không cho phân tán.

Lại nữa, chuyên cầu Sơ thiên, phóng xả cái vui Dục giới. Ví như sợ kẻ oán muốn diệt trừ thì không bị oán làm hại. Như Phật vì kẻ Bà-la-môn đấm dục nói: “Ta vốn quán sát dục, dục là sợ hãi, là nhân lo khổ; dục là ít vui nhiều khổ; dục là lưới ma, ràng buộc khó ra, dục thiêu đốt, khô kiệt các thứ vui. Ví như rừng cây, bốn bề bốc lửa; dục như tới hố lửa rất đáng sợ hãi, như ép bức rấn độc, như giặc oán rút dao, như ác La-sát, như độc ác vào miệng, như uống nước đồng sôi, như ba dòng voi điên, như đi tới hố sâu lớn, như sư tử chặn đường, như cá Ma-kiệt hở miệng, các dục cũng như vậy, rất đáng sợ hãi. Nếu đấm trước các dục, khiến cho người khổ não. Người đấm dục cũng như ngục tù, như nai giữa vòng vây,

như chim mắc lưới, như cá nuốt câu, như beo bắt chó, như quạ giữa đàn chim cất, như rắn gắp heo rừng, như chuột ở giữa mèo, như bọn mù đi tới hố, như ruồi đậu dầu nóng, như người yếu đuối ra trận, như người khèo chân gắp lửa, như vào sông nước mặn sôi, như liếm mật dính đầu lưỡi dao, như thái thịt giữa ngã tư đường, như vải mỏng phủ rừng dao, như hoa che bất tịnh, như mật bôi bình độc, như hòm rắn độc, như mộng hư dối, như vay mượn phải trả về, như trò huyền gạt trẻ con, như lửa không thật, như chìm nước lớn, như thuyền vào miệng cá Ma-kiệt, như mưa đá hại lúa, như sấm sét đánh người. Các dục cũng như vậy, hư dối không thật, không bền không mạnh, vui ít khổ nhiều. Dục là Ma quân phá công đức thiện, thường cướp hại chúng sanh. Như vậy là các thí dụ về dục.

Mắng năm dục, trừ năm cái, hành năm pháp được đến Sơ thiên.

Hỏi: Tám bội xả, Tám thắng xứ và Mười nhất thiết nhập, Bốn vô lượng tâm, các định tam muội, những định như vậy, sao không gọi là Ba-la-mật, mà chỉ gọi thiên Ba-la-mật?

Đáp: Công đức của các định ấy, đều là tư duy tu. Thiên, Trung hoa nói là Tư duy tu, nói thiên Ba-la-mật là bao gồm tất cả.

Lại nữa, Thiên tối đại như vua, nói thiên là gồm tất cả, nói định thì không gồm được. Vì sao? Trong Tứ thiên, trí và định ngang nhau nên vui: Vị đạo địa, Trung gian địa, trí nhiều mà định ít. Định vô sắc giới thì định nhiều mà trí ít, nên các chỗ này không vui. Ví như xe một bánh mạnh, một bánh yếu, thì không đi an ổn, trí và định không ngang nhau cũng như vậy.

Lại nữa, nơi Tứ thiên có Bốn đẳng tâm, Năm thần thông, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết xứ, vô tránh tam muội, nguyện trí, đỉnh thiên, tự tại định, luyện thiên, mười bốn biến hóa tâm, ban châu ban, các tam muội Thủ Lăng Nghiêm, v.v... của Bồ-tát, lược nói thì có một trăm hai mươi, còn các tam muội bất động v.v... của chư Phật lược nói thì có một trăm lẻ tám, và Phật đắc đạo, xả thọ mạng, các công đức diệu định như vậy, đều ở trong Thiên cả. Do vậy, nên gọi Thiên là Ba-la-mật, các định khác không gọi là Ba-la-mật.

Hỏi: Trước đây, ông nói mắng năm dục, trừ năm cái, hành năm pháp, được Sơ thiên, vậy tu việc gì, nương đạo gì có thể được Sơ thiên?

Đáp: Nương bất tịnh quán và các môn định An-na-ban-na... Như bài kệ thiên nghĩa trong Thiên kinh nói:

*Lìa dục và ác pháp,
Có giác và có quán,
Ly sanh được hỷ lạc,*

Người ấy vào Sơ thiền.
Đã được lìa lửa dâm,
Thời được định trong mát,
Như người rất nóng bức,
Vào ao lạnh thì vui.
Như nghèo được kho báu,
Hỷ giác làm động tâm,
Phân biệt, ấy là quán.
Vào Sơ thiền cũng vậy.
Biết giác quán loạn tâm,
Tuy thiện mà phải lìa,
Như nước lớn đứng lặng,
Sóng dậy cũng không thấy.
Ví như người rất mệt,
Khi an ổn nằm ngủ,
Nếu có tiếng kêu gọi,
Thì tâm rất náo loạn.
Khi nhiếp tâm vào thiền,
Vì giác quán làm náo,
Cho nên trừ giác quán,
Được vào nhất thức xứ.
Nhờ nội tâm thanh tịnh,
Định sanh được hỷ lạc,
Được vào Nhị thiền đây,
Hỷ tâm mạnh rất vui.
Nhất tâm đệ nhất định,
Yên lặng không niệm gì,
Sợ hỷ muốn bỏ nó,
Cũng như bỏ giác quán.
Do thọ nên có hỷ,
Mất hỷ thì sanh lo,
Lìa hỷ lạc thân thọ.
Xả niệm và phương tiện.
Thánh nhân hay xả được,
Người khác xả là khó,
Nếu biết lạc là nạn.
Thấy bất động rất yên.
Ưu hỷ trước đã trừ,

*Khổ lạc nay cũng dứt,
Xả niệm tâm thanh tịnh,
Vào trong đệ Tứ thiên.
Lạc trong đệ Tam thiên,
Vô thường động nên khổ,
Trong dục giới đoạn ưu,
Sơ Nhị thiên trừ hỷ.
Cho nên Phật Thế Tôn,
Nói trong đệ Tứ thiên,
Trước đã đoạn ưu hỷ,
Nay được trừ khổ lạc.*

Lại nữa, trì giới thanh tịnh, nhàn cư một mình, luôn giữ các căn, đầu đêm cuối đêm chuyên tinh suy nghĩ, vứt bỏ thú vui bên ngoài, lấy thiền làm vui, liả các dục và pháp bất thiện, nương vị đáo địa được Sơ thiên. Sơ thiên, như trong luận tạng nói: Thiên có bốn thứ:

1- Vị tương ưng

2- Tịnh

3- Vô lậu,

4- Năm uẩn do báo đắc nhiếp thuộc Sơ thiên, trong ấy hành giả vào tịnh vô lậu.

Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cũng như vậy. Như Phật nói: “Nếu có Tỳ-kheo liả các dục và pháp ác bất thiện, có giác có quán, ly dục sanh hỷ lạc vào Sơ thiên”.

Các dục là năm dục ái trước như sắc v.v... Suy nghĩ phân biệt, mắng trách dục như trước nói. Pháp ác bất thiện là năm cái như tham dục v.v...

Liả hai việc trong ngoài ấy nên được Sơ thiên. Tướng của Sơ thiên là có giác có quán, hỷ lạc, nhất tâm. Có giác có quán là được công đức thiện pháp chưa từng được của trong Sơ thiên, nên tâm rất kinh ngạc tỉnh ngộ, thường bị lửa dục thiêu đốt, nên khi được Sơ thiên như người vào ao nước trong mát, lại như người nghèo bỗng được kho báu. Hành giả suy nghĩ phân biệt về tội lỗi ở Dục giới và biết công đức lợi ích của Sơ thiên rất nhiều, tâm rất hoan hỷ; ấy gọi là có giác có quán.

Hỏi: Có giác có quán là một pháp hay hai pháp?

Đáp: Hai pháp, thô tâm mới nghĩ đến, ấy gọi là giác. Tế tâm phân biệt kỹ, ấy gọi là quán. Ví như đánh chuông, khi tiếng mới phát lớn, ấy là giác, sau tiếng nhỏ dần, ấy gọi là quán.

Hỏi: Như luận nói: “Từ Dục giới cho đến Sơ thiên, trong một tâm

có giác quán tương ứng, sao nay nói thô tâm mới nghĩ đến gọi là giác, tế tâm phân biệt kỹ gọi là quán ?

Đáp: Hai pháp tuy ở một tâm mà hai tướng không đều, khi “giác” thì “quán” không rõ ràng, khi “quán” thì “giác” không rõ ràng. Ví như khi mặt trời mọc thì các sao không hiện ra. Hết thấy tâm tâm sở pháp tùy thời mà đặt tên cũng như vậy. Như Phật nói: “Nếu đoạn được một pháp, Ta ấn chứng cho chứng được A-na-hàm”. Một pháp đó là xan tham. Đúng thật nên phải nói là đoạn hết năm hạ phần kiết thì chứng được A-na-hàm. Thế sao đây nói chỉ đoạn một pháp? Vì người ấy xan tham nhiều hơn, các kiết sử khác đều từ nơi tham sanh ra, cho nên xan tham hết thì các kiết sử cũng đoạn. Giác và quán cũng như vậy. Hành giả biết các giác quán ấy, tuy là thiện pháp nhưng nó làm nhiều loạn định tâm. Vì tâm muốn lìa nên mắng giác quán ấy. Nghĩ rằng: “Giác quán nhiều động thiền tâm, ví như nước trong, sóng nổi dậy thì không trông thấy gì. Lại như người mỗi một được nghỉ muốn ngủ, người bên cạnh kêu gọi thì rất náo loạn. Khi nhiếp tâm nội định bị giác quán làm lay động cũng như vậy. Các thứ nhân duyên như vậy, mắng trách giác quán, giác quán dứt, bên trong thanh tịnh, cột tâm một chỗ, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, vào Nhị thiền. Đã được Nhị thiền nhưng trong sự được Nhị thiền ấy chưa từng được sự hỷ lạc vô tử.

Giác quán diệt là biết tội lỗi của giác quán nên diệt; bên trong thanh tịnh là vào sâu thiền định, tin rằng xả giác quán của Sơ thiền thì sự lợi ích trọng đại, sự mất rất ít, sự được rất nhiều. Buộc tâm vào một duyên, nên gọi là bên trong thanh tịnh. Hành giả quán tội lỗi của hỷ cũng như giác quán, tùy chỗ có hỷ, hễ nhiều hỷ là nhiều ưu. Vì sao? Như người nghèo được của báu hoan hỷ vô lượng, một mai bị mất thì ưu cũng sâu, hỷ liền chuyển thành ưu, cho nên, nên xả. Lìa hỷ ấy nên hành xả niệm trí, thọ thân lạc, lạc ấy Thánh nhân có thể được có thể xả, nhất tâm ở nơi lạc, vào đệ Tam thiền.

Xả là xả hỷ tâm không còn hối tiếc. Niệm trí là đã được cái vui Tam thiền không làm cho sanh hoạn nạn đối với lạc. Thọ thân lạc là cái vui Tam thiền lan khắp toàn thân đều lãnh thọ. Thánh nhân có thể được xả là, cái vui ấy là nhất của thế gian hay làm phát sanh tâm đắm trước, kẻ phàm phu ít ai xả được. Do vậy nên Phật nói: “Quả báo của sự thực hành lòng từ là thứ nhất của trong Biến-tịnh-địa (Biến-tịnh-thiên). Hành giả quán xét cái lỗi của lạc cũng như cái lỗi của hỷ, biết chỗ tâm bất động là tối đệ nhất, chỗ có lay động thì là có khổ. Hành giả vì cái vui đệ Tam thiền lay động nên cầu chỗ bất động. Vì dứt khổ lạc trước nên dứt ưu hỷ,

không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, vào đệ Tứ thiền.

Trong đệ Tứ thiền ấy, không khổ không vui, chỉ có trí tuệ bất động, vì vậy nên nói đệ Tứ thiền là xả niệm thanh tịnh. Ở đệ Tam thiền có cái vui làm lay động nên nói là khổ, cho nên trong đệ Tứ thiền nói có cái vui dứt khổ.

Như Phật nói: “Qua khỏi hết thủy sắc tướng, không tưởng niệm biệt tướng, diệt hữu đối tướng vào Vô biên hư không xứ”.

Hành giả nghĩ rằng: “Nếu không sắc thì không có cái khổ đối khát, lạnh nóng, thân sắc ấy thô trọng tẻ ác, hư đối không thật, do nhân duyên đời trước hòa hợp được thân quả báo này, là chỗ ở của các khổ nã, làm sao thoát khỏi được thân nạn này? Nên quán thân này trong thân trống không, thường quán thân không, như cái lông, như nổi đất, thường niệm nhớ không bỏ thời được qua khỏi sắc, không còn thấy thân. Giống như nội không, ngoại không cũng vậy. Bấy giờ có thể quán vô lượng vô biên hư không. Được quán ấy rồi không khổ không lạc, tâm ấy càng tăng, như chim nốt trong bình, bình vỡ được bay ra; ấy gọi là Định không xứ.

Không ấy vô biên vô lượng, lấy thức duyên theo, duyên nhiều thì tán loạn, có thể phá định. Hành giả quán hư không, duyên thọ, tưởng, hành, thức như bệnh, như ung, như ghẻ, như gai nhọn, vô thường, khổ, không, vô ngã, giả dối, hòa hợp thì có, chẳng phải thật có. Niệm như vậy xong xả tâm duyên hư không mà chỉ duyên thức.

Thế nào mà duyên? Thức hiện tiền duyên đến vô lượng vô biên thức quá khứ, vị lai. Thức ấy vô lượng vô biên như hư không vô lượng vô biên; ấy gọi là Định thức xứ.

Thức ấy vô lượng vô biên, lấy thức duyên theo, thức nhiều thì tán loạn, có thể phá định. Hành giả quán duyên thức, thọ tưởng hành thức như bệnh, như ung, như ghẻ, như gai nhọn, vô thường, khổ, không, vô ngã, giả dối hòa hợp mà có, chẳng phải thật có. Như vậy quán rồi thì phá thức tướng, ấy là mắng trách thức xứ, tán thán vô sở hữu xứ, phá các thức tướng, cột tâm ở trong vô sở hữu xứ, ấy gọi là Định vô sở hữu xứ.

Vô sở hữu xứ duyên thọ, tưởng, hành, thức như bệnh, như ung, như ghẻ, như gai nhọn, vô thường, khổ, không, vô ngã, giả dối hòa hợp mà có, chẳng phải thật có. Như vậy, tư duy vô tướng xứ như ung, hữu tướng xứ như bệnh, như ung, như ghẻ, như gai nhọn, diệt xứ đệ nhất là Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ.

Hỏi: Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ có thọ, tưởng, hành, thức tại sao nói Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng?

Đáp: Trong ấy có tướng, song vì tế khó biết, nên gọi là Phi-hữu-

tướng, song có tướng nên gọi là Phi-vô-tướng. Tâm phàm phu cho ở đó là được thật tướng các pháp, ấy là Niết-bàn, còn trong Phật pháp tuy biết ở đó có tướng, song nhân vì tên gọi cũ của nó, nên gọi là Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng.

Hỏi: Thế nào là Vô tướng?

Đáp: Vô tướng có ba là vô tướng định, diệt thọ tướng định và vô tướng thiên. Người phàm phu muốn diệt tâm để vào vô tướng định, còn đệ tử Phật muốn diệt tâm để vào Diệt thọ tướng định.

Các thiên định ấy có hai thứ, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu. Hữu lậu là sở hành của phàm phu, như trước đã nói. Vô lậu là mười sáu thánh hành. Nếu là hữu lậu đạo thì nương thượng địa mà lìa cái dục của hạ địa. Nếu vô lậu đạo thì lìa cả cái dục của tự địa và thượng địa. Vì vậy phàm phu ở Hữu định xứ không được ly dục, vì không còn có thượng địa để nương. Nếu đệ tử Phật muốn lìa cái dục của dục giới. Phiền não của Dục giới thuộc loại tư duy đoạn có chín bậc thượng, trung, hạ, là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Để đoạn chín bậc ấy, đệ tử Phật hoặc nương hữu lậu đạo, cầu được Sơ thiên. Bảy giờ ở trong chín vô ngại đạo (chín vô gián đạo), tám giải thoát đạo, của vị đáo địa, hiện tại tu hữu lậu đạo, vị lai tu hữu lậu vô lậu đạo. Trong giải thoát đạo thứ chín ở vị đáo địa, hiện tại tu hữu lậu đạo, vị lai tu vị đáo địa hữu lậu, vô lậu đạo và hữu lậu của biên địa Sơ thiên. Nếu vô lậu đạo muốn được Sơ thiên cũng như vậy. Nếu nương hữu lậu đạo, lìa cái dục của Sơ thiên, nơi biên địa của đệ Nhị thiên, trong chín vô ngại đạo, tám giải thoát đạo, hiện tại tu Nhị thiên biên địa hữu lậu, vị lai tu Nhị thiên biên địa hữu lậu đạo, cũng tu Sơ thiên vô lậu và quyền thuộc. Trong giải thoát đạo thứ chín, nơi biên địa của đệ Nhị thiên, hiện tại tu Nhị thiên biên địa hữu lậu đạo, vị lai tu Nhị thiên biên địa, Sơ thiên vô lậu và quyền thuộc, Nhị thiên tịnh vô lậu. Nếu vô lậu đạo, lìa cái dục của Sơ thiên trong chín vô ngại đạo, tám giải thoát đạo, hiện tại tu vô lậu đạo nơi tự địa, vị lai tu Sơ thiên và quyền thuộc hữu lậu vô lậu đạo. Trong giải thoát đạo thứ chín, hiện tại tu vô lậu đạo nơi tự địa, vị lai tu Sơ thiên và quyền thuộc hữu lậu vô lậu đạo, và tu Nhị thiên tịnh vô lậu, cho đến khi Vô sở hữu xứ lìa dục cũng như vậy. Khi ở Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng lìa dục, thì trong chín vô ngại đạo, tám giải thoát đạo chỉ tu hết thủy vô lậu đạo. Trong giải thoát đạo thứ chín, tu thiện căn của tam giới và vô lậu đạo, trừ vô tâm định.

Tu có hai thứ:

1- Đắc tu

2- Hành tu.

Đắc tu là trước vốn không được mà nay được, đời vị lai tu việc mình cũng tu việc khác. Hành tu là đã từng tu, trong hiện tại tu, vị lai cũng tu, không tu việc khác. Như vậy là lối tu trong các thứ thiền định.

Lại nữa, tướng của thiền định lược nói có hai mươi ba thứ, đó là tám vị thiền, tám tịnh thiền, bảy vô lậu thiền.

Lại có sáu nhân: Tương ứng nhân, cộng nhân, tương tự nhân, biến nhân, báo nhân, danh nhân, mỗi mỗi đều vô lậu.

Bảy vô lậu nhân là tương tự vô lậu, trong tự địa tăng thêm vô lậu tương ứng và nhân cộng hữu. Sơ vị định sơ vị định nhân, cho đến hậu vị định hậu vị định nhân. Tịnh cũng như vậy.

Bốn duyên là nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Nhân duyên như trên đã nói.

Sơ thiền vô lậu định, thứ lớp sanh sáu định:

- 1- Sơ thiền tịnh
- 2- Vô lậu
- 3- Nhị thiền tịnh
- 4- Vô lậu
- 5- Tam thiền tịnh
- 6- Vô lậu.

Nhị thiền vô lậu định thứ lớp sanh tám định:

- 1- Tự địa tịnh
- 2- Vô lậu
- 3- Sơ thiền tịnh
- 4- Vô lậu
- 5- Tam thiền tịnh
- 6- Vô lậu
- 7- Tứ thiền tịnh
- 8- Vô lậu.

Tam vô lậu định thứ lớp sanh mười định là ở Tự địa có hai, ở Hạ địa có bốn, ở Thượng địa có bốn. Đệ tứ thiền và Không xứ cũng thứ lớp sanh mười định như vậy.

Thứ xứ vô lậu định, thứ lớp sanh chín định là ở Tự địa có hai, ở Hạ địa có bốn, ở Thượng địa có ba.

Vô sở hữu xứ vô lậu định, thứ lớp sanh bảy định là ở Tự địa có hai, ở Hạ địa có bốn, ở Thượng địa có một.

Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ thứ lớp sanh sáu tâm là ở Tự địa có hai, ở Hạ địa có bốn. Các tịnh địa khác cũng như vậy. Lại đều lợi ích tự

địa vị.

Sơ thiên vị thứ lớp có hai là vị và tịnh, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ vị cũng như vậy.

Tịnh và vô lậu thiên, hết thấy xứ đều duyên. Vị thiên duyên vị trong tự địa, cũng duyên tịnh, ái, vì không có vô lậu duyên, nên không duyên vô lậu.

Tịnh và vô lậu căn bản vô sắc định, không duyên hữu lậu của hạ địa. Danh nhân và Tăng thượng duyên thông hết thấy định.

Bốn vô lượng tâm, tám bội xả, tám thắng xứ, và tám nhất thiết xứ đều duyên dục giới.

Năm thần thông thì duyên Dục giới, Sắc giới, ngoài ra đều tùy theo chỗ thích hợp mà duyên.

Diệt thọ tướng định thì không duyên gì. Trong Tứ thiên có luyện pháp, lấy vô lậu luyện hữu lậu, nên được Tứ thiên tâm tự tại. Lấy vô lậu đệ Tứ thiên luyện hữu lậu đệ Tứ thiên, vậy sau đệ Tam, đệ Nhị, đệ Nhất thiên đều lấy tự địa vô lậu luyện tự địa hữu lậu.

Hỏi: Sao gọi là luyện thiên?

Đáp: Các Thánh nhân thích vô lậu định, không thích hữu lậu. Khi ly dục, tịnh hữu lậu không thích mà tự được. Nay muốn trừ cấu uế đó nên lấy vô lậu để luyện nó. Ví như luyện vàng bỏ cấu bẩn, vô lậu luyện hữu lậu cũng như vậy. Từ vô lậu thiên khởi dậy, nhập vào tịnh thiên, luôn luôn như vậy gọi là luyện. Lại nữa, trong các thiên có đánh thiên. Sao gọi là đánh? Có hai loại A-la-hán là hoại pháp và bất hoại pháp. Bất hoại pháp A-la-hán được tự tại đối với hết thấy thiên định sâu xa, có thể phát khởi đỉnh thiên. Được đỉnh thiên ấy, có thể chuyển sự sống lâu thành giàu sang, chuyển sự giàu sang thành sống lâu.

Lại có trí nguyện, bốn biện, tam muội vô tránh.

Trí nguyện là nguyện muốn biết việc ba đời, tùy ý nguyện đều biết được. Trí nguyện này thuộc vào hai nơi là Dục giới và đệ Tứ thiên.

Bốn biện là pháp biện, từ biện thì thuộc vào hai nơi là Dục giới và Sơ thiên; nghĩa biện và lạc thuyết thì thuộc vào chín nơi là Dục giới, Bốn thiên, Bốn vô sắc định.

Vô tránh tam muội là làm cho tâm người khác không sinh tranh cãi, nó thuộc vào năm nơi là Dục giới và Bốn thiên.

Hỏi: Được các thiên còn có pháp khác nữa không?

Đáp: Vì định sanh cũng được, thối cũng được. Tịnh thiên thì khi sanh được, khi ly dục được, khi vô lậu ly dục được, khi thối được.

Chín địa vô lậu định là bốn thiên, ba vô sắc định, vị đáo địa thiên,

trung gian thiền, có thể đoạn kết sử. Ở vị đáo địa thiền, trung gian thiền có xả căn tương ứng. Nếu người thành tựu thiền, tâm biến hoá của hạ địa cũng thành tựu. Như sơ thiền thành tựu tâm biến hóa, một là Sơ thiền, hai là Dục giới, Nhị thiền có ba, Tam thiền có bốn, Tứ thiền có năm, nếu trong Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền khi muốn nghe, thấy, xúc, chạm đều dùng thức của trời Phạm thế, khi thức diệt thì ngưng.

Bốn vô lượng tâm, Năm thần thông, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập, Chín thứ đệ định, Chín tướng, Mười tướng, Ba tam muội, Ba giải thoát môn, Ba vô lậu căn, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, các công đức như vậy, đều từ trong thiền Ba-la-mật phát sanh. Trong đó nên rộng nói.

Hỏi: Nên phải nói là Thiền Ba-la-mật, cố sao chỉ nói thiền?

Đáp: Thiền là gốc của Ba-la-mật. Được thiền ấy rồi thương xót chúng sanh, trong nội tâm có các diệu lạc của thiền định nhưng không biết cầu, nên mới cầu cái vui ở trong pháp khổ bất tịnh bên ngoài. Quán như vậy rồi sanh tâm đại bi, lập thệ nguyện rộng lớn” “Ta sẽ làm cho chúng sanh đều được cái vui bên trong thiền định, lìa cái vui bất tịnh. Nướng cái vui thiền định, rồi tiếp đến làm cho được cái vui của Phật đạo”. Bấy giờ thiền được gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, ở trong thiền ấy, không vì lãnh thọ thiền vị, không vì cầu quả báo, không vì tùy báo sanh ra, mà vì điều phục tâm nên nhập thiền, dùng trí tuệ phương tiện sanh trở lại Dục giới, độ thoát hết thảy chúng sanh, bấy giờ thiền được gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát nhập thiền định sâu xa, hết thảy trời người không thể biết được tâm Bồ-tát nương dựa đâu, duyên đâu, trong các pháp thấy nghe hay biết, tâm không lay động, như trong Kinh Tỳ-ma-la-cật (Duy-ma-cật) vì Xá-lợi-phất mà nói pháp an tọa, không nương dựa thân, không nương dựa tâm, không nương dựa ba cõi. Ở trong ba cõi không tìm thấy thân tâm, như vậy là an tọa.

Lại nữa, nếu người nghe nói cái vui thiền định hơn cái vui cõi người, cõi trời, bèn bỏ cái vui ngũ dục mà cầu thiền định. Ấy là tự cầu làm lợi mình, không đủ cho là lạ. Bồ-tát thì không như thế, chỉ vì đem vui cho chúng sanh nên làm cho tâm từ bi thanh tịnh, không bỏ chúng sanh.

Bồ-tát thiền, trong thiền phát tâm đại bi, thiền có cái vui cực diệu bên trong, nhưng chúng sanh thì bỏ đi mà cầu cái vui bên ngoài. Ví như người mù giàu lớn, có nhiều kho báu mà vì không biết, không thấy mà phải đi xin. Người trí thương xót người ấy có vật quý mà không thể thấy biết, nên phải đi xin người khác. Chúng sanh cũng như vậy, trong tâm

có nhiều cái vui thiền định mà không biết phát huy, trở lại cầu cái vui bên ngoài.

Lại nữa, Bồ-tát biết thật tướng các pháp nên vào thiền, trong lòng an ổn không đắm thiền vị, các ngoại đạo khác tuy vào thiền định, mà tâm không an ổn, không biết thật tướng các pháp nên đắm trước thiền vị.

Hỏi: A-la-hán, Bích-chi Phật đều không đắm trước thiền vị, cơ sao không được Thiền Ba-la-mật?

Đáp: A-la-hán, Bích-chi Phật tuy không đắm trước thiền vị, song không có tâm đại bi nên không gọi là thiền Ba-la-mật. Lại không thể hành hết các thiền, còn Bồ-tát thì hành hết các thiền thô tế, lớn nhỏ, sâu cạn, nội duyên, ngoại duyên, hết thấy đều thực hành. Do vậy nên trong tâm Bồ-tát gọi là thiền Ba-la-mật, các người khác chỉ gọi là thiền. Lại nữa, Ngoại đạo, Thanh-văn, Bồ-tát đều được thiền định, nhưng trong thiền ngoại đạo có ba điều hoạn, hoặc đắm trước, hoặc tà kiến, hoặc kiêu mạn. Trong thiền Thanh-văn tâm từ bi mỏng, đối với các pháp không thể dùng lợi trí để thông đạt thật tướng các pháp, lo hoàn thiện riêng cho thân mình, dứt hết hạt giống Phật. Còn trong thiền Bồ-tát không có việc ấy. Muốn tập hợp hết thấy Phật pháp, nên ở trong thiền mà không quên chúng sanh, cho đến côn trùng cũng thường có niệm thương xót. Như đức Phật Thích-ca Văn-ni, vốn là tiên nhân búi tóc, gọi là Thượng-xà-lê, thường hành thiền thứ tư, hơi thở ra vào dứt, ngồi dưới một gốc cây cao chót bất động, chim trông thấy như vậy cho là cây, để trứng trong búi tóc. Bồ-tát xuất thiền định, biết trên đầu có trứng chim, liền suy nghĩ: “Nếu ta đứng dậy chim mẹ chắc không còn đến, chim mẹ không đến trứng chim phải hỏng, liền vào thiền trở lại, cho đến khi chim con bay đi, mới đứng dậy.

Lại nữa, trừ Bồ-tát, các người khác với tâm Dục giới không thể thứ lớp vào thiền. Bồ-tát thực hành thiền Ba-la-mật, với tâm Dục giới thứ lớp vào thiền. Vì sao? Bồ-tát đời đời tu các công đức, tâm kiết sử mỏng, tâm mềm dịu vậy.

Lại nữa, các người khác được trí tuệ biết tổng tướng các pháp mà có thể lìa dục, như quán vô thường, quán khổ, quán bất tịnh. Bồ-tát có thể phân biệt được biệt tướng của hết thấy pháp mà lìa dục. Như năm trăm tiên nhân khi đang bay đi, nghe tiếng ca của con gái Khẩn-đà-la, sanh tâm đắm trước cuồng say, liền mất hết thần túc mà cùng một lúc rớt xuống đất. Lại như hàng Thanh-văn nghe tiếng ca hát gảy đàn của vua Khẩn-đà-la tên là Đôn-luân-ma, đem thật tướng các pháp mà tán thán

Phật. Bấy giờ núi Tu-di và cây cối đều rung động, các đại đệ tử như Đại Ca-diếp v.v... đều không an ổn ngay trên chỗ ngồi của mình. Thiên-nam Bồ-tát hỏi Đại Ca-diếp: “Ông tuổi rất cao, tu hạnh đầu đà bậc nhất, nay vì sao không thể chế tâm an ổn được?” Đại Ca-diếp đáp: “Tôi đối với các dục của người và trời, tâm không khuynh động, nhưng đây là tiếng của vô lượng công đức quả báo của Bồ-tát, lại là tiếng do trí tuệ ban phát ra, nên không thể nhịn được. Nếu gió bốn phương khởi lên thì không thể làm cho núi Tu-di động, nhưng khi kiếp tận gió Tỳ-lam thổi đến thì làm cho núi Tu-di lay động như cỏ mục.”

Do vậy nên biết Bồ-tát quán biệt tướng mà lia được các dục, các người khác chỉ được gọi là thiền chứ không được gọi là Ba-la-mật.

Lại nữa, các người khác biết tâm Bồ-tát nhập thiền xuất thiền chứ không thể biết tâm khi trú thiền duyên đâu đến đâu, biết các pháp sâu cạn ra sao, chính A-la-hán, Bích-chi Phật còn không thể biết hướng chi các người khác, ví như voi chúa lội nước, khi vào khi ra, dấu chân thấy được, còn khi ở trong nước không thể biết được. Nếu được Sơ thiền thì người đồng được Sơ thiền biết được, nhưng không thể biết Bồ-tát nhập Sơ thiền. Có người được Nhị thiền, quán biết được tâm người được Sơ thiền rất rõ ràng nhưng không thể biết tâm Bồ-tát khi nhập Sơ thiền. Cho đến Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ cũng như vậy.

Lại nữa, trong sự siêu việt tam muội, từ Sơ thiền khởi đệ Tam thiền, từ Tam thiền khởi nhập Hư-không-xứ, từ Hư-không-xứ khởi nhập Vô-sở-hữu-xứ. Nhị thừa chỉ siêu việt được một chứ không thể siêu việt được hai. Còn Bồ-tát thì tự tại siêu việt, từ Sơ thiền khởi hoặc nhập Tam thiền như lệ thường, hoặc nhập đệ Tứ thiền, hoặc nhập Không-xứ, Thức-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ, hoặc nhập Diệt-thọ-tướng-định; từ Diệt-thọ-tướng-định khởi hoặc nhập Vô-sở-hữu-xứ, hoặc Thức-xứ, Không-xứ, Tứ thiền cho đến Sơ thiền, hoặc có khi vượt một bậc, có khi vượt hai bậc, cho đến vượt chín bậc. Hàng Thanh-văn không thể vượt hai bậc. Vì sao? Vì trí tuệ, công đức và sức thiền mỏng. Giống như hai loại sư tử. Một sư tử vàng, hai sư tử bờm trắng. sư tử vàng tuy nhảy được nhưng không bằng sư tử chúa bờm trắng. Các nhân duyên như vậy, là phân biệt thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, bấy giờ Bồ-tát, thường vào thiền định, nhiếp tâm bất động, không sanh giác quán, cũng có thể vì chúng sanh mười phương đem vô lượng âm thanh thuyết pháp để độ thoát; ấy gọi là Thiền Ba-la-mật.

Hỏi: Như trong kinh nói: Trước có giác quán tư duy sau mới thuyết pháp, còn vào trong thiền định không có ngữ ngôn giác quán, thì không

thể nói pháp được. Sao nay ông nói thường ở trong thiền định không khởi giác quán mà vẫn thuyết pháp cho chúng sanh?

Đáp: Cách thức của người còn sanh tử khi nhập thiền định, trước do có giác quán về ngôn ngữ, sau mới thuyết pháp. Còn pháp thân Bồ-tát lia thân sanh tử, biết hết thấy pháp thường trú như tướng thiền định, không thấy sự tán loạn, pháp thân Bồ-tát biến hóa ra vô lượng thân thuyết pháp cho chúng sanh, mà tâm Bồ-tát không phân biệt. Như đàn cầm của A-tu-la thường tự phát ra tiếng theo ý muốn, không phải có ai gảy, nó cũng không tán tâm, cũng không nhiếp tâm. Chỉ do phước đức quả báo sanh, tùy ý người mà phát ra tiếng. Pháp thân Bồ-tát cũng như vậy, không phân biệt, cũng không tán tâm, cũng không có tướng thuyết pháp. Ấy là do vô lượng phước đức, trí tuệ, thiền định, nên pháp thân Bồ-tát tùy chỗ ứng hợp mà phát ra pháp âm. Người có tâm xan tham nhiều, thì nghe âm thanh thuyết về bố thí; người phá giới, sân nhuế, giải đãi, loạn tâm, ngu si nhiều thì nghe âm thanh thuyết về trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ. Nghe pháp ấy rồi mỗi người tự suy nghĩ, dần dần do tam thừa mà được độ thoát.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thấy pháp hoặc loạn, hoặc tịnh, đều là tướng bất nhị, còn người khác thì từ nơi loạn mà cầu định. Vì sao? Vì trong pháp loạn thì khởi tướng sân, trong pháp định thì khởi tướng chấp trước, như tiên nhân Uất-đà-la-ca được ngũ thông, ngày ngày bay đến trong cung vua mà ăn, được vương đại phu nhân theo đúng quốc pháp lay xuống tiếp chân, tay phu nhân chạm đến, tiên nhân liền mất thần thông, theo vua xin xe để cỡi mà trở về chỗ cũ. Đi vào giữa rừng, lại cầu ngũ thông, nhất tâm chuyên chú, khi sắp chứng được, có con chim trên cây kêu cấp kíp, làm cho loạn ý, ông bỏ gốc cây đi đến bờ nước cầu nhập định, lại nghe tiếng quậy nước của bầy cá đấu nhau, ông ấy cầu nhập thiền mà không được, liền sanh sân nhuế: “Ta sẽ giết hết cá chim”. Ông ấy lâu về sau nhờ tư duy được định, sanh lên Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ. Tuổi thọ hết ở đây lại sanh xuống làm con chồn bay, giết hết cá chim, gây vô lượng tội, đọa vào ba ác đạo.

Ấy là do trong thiền định có tâm đắm trước. Ngoại đạo như thế, trong hàng đệ tử Phật cũng có như thế. Như một Tỳ-kheo tu được Tứ thiền, sanh tâm tăng thượng mạn cho là được bốn đạo quả. Khi được Sơ thiền thì cho là đắc Tu-đà-hoàn, khi được Nhị thiền thì cho là đắc Tư-đà-hàm, khi được Tam thiền thì cho là đắc A-na-hàm, khi được Tứ thiền thì cho là đắc A-la-hán. Ý vào đó mà ngừng lại, không cầu tiến nữa. Khi sắp qua đời, thấy tướng trung ấm của tứ thiền hiện đến bèn sanh tà kiến

cho là không có Niết-bàn, Phật đã dối ta. Sanh ác tà kiến như vậy nên mất trung ấm của Tứ thiên bèn thấy tướng trung ấm của địa ngục A-tỳ. Các Tỳ-kheo hỏi Phật: “Tỳ-kheo tu A-lan-nhã ấy qua đời sanh về đâu?” Phật nói: “Người ấy sanh trong địa ngục A-tỳ”. Các Tỳ-kheo đều rất kinh ngạc lấy làm lạ hỏi: “Vị ấy tọa thiền trì giới, do đâu mà dẫn đến như vậy?” Phật nói: “Ông ấy tăng thượng mạn, vì khi được Tứ thiên thì cho là được bốn đạo quả. Khi lâm chung, thấy tướng trung ấm của Tứ thiên bèn sanh tà kiến, bảo là không có Niết-bàn: “Ta là A-la-hán mà phải sanh trở lại, như vậy Phật hư dối”. Khi ấy liền thấy tướng trung ấm của địa ngục A-tỳ. Qua đời liền sanh trong địa ngục A-tỳ”. Lúc ấy Phật nói kệ:

*Đa văn, trì giới, thiền.
Chưa được vô lậu pháp,
Tuy có công đức ấy,
Việc ấy không thể tin.*

Tỳ-kheo ấy chịu khổ ở ác đạo. Cho nên biết chấp thủ loạn tướng thì dễ sanh các phiền não sân v.v... chấp thủ định tướng thì dễ sanh đấm trước. Bồ-tát không chấp thủ loạn tướng cũng không chấp thủ thiền định tướng. Tướng loạn và tướng định là một, nên gọi là Thiền Ba-la-mật. Như tướng Sơ thiền là lìa dục, trừ cái, chú tâm một chỗ. Bồ-tát lợi căn lấy trí tuệ quán sát, nên đối với năm cái không có gì phải buông xả, đối với tướng thiền định không có gì phải chấp thủ, vì tướng các pháp là không.

Tại sao đối với năm cái không có gì xả? Vì tham dục cái chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, cũng chẳng phải trung gian. Vì sao? Vì nếu nội pháp là có, thì không cần chờ ngoài mới sanh. Nếu ngoại pháp là có thì không có hoạn nạn đối với ta, nếu ở trung gian là có, thì trung gian là không có chỗ nhất định, cũng không từ đời trước đi đến. Vì sao? Vì hết thấy các pháp không đến, như đồng tử không có lòng dục, nếu đời trước đã có, thời ngay khi nhỏ cũng phải có. Vì vậy, nên biết đời trước không đến thì cũng không đến đời sau; chẳng từ các phương đến; cũng không thường tự có; chẳng phải trong một phần, cũng chẳng phải trong khắp thân; cũng chẳng từ năm trần đến; cũng chẳng từ năm căn ra, không từ đâu sanh, không từ đâu diệt. Tham dục ấy hoặc trước sanh, hoặc sau sanh, hoặc cùng một thời sanh, đều không đúng. Vì sao? Vì nếu trước có sanh, sau mới có tham dục, thế là không phải từ tham dục sanh, vì trước chưa có tham dục; nếu sau có sanh, trước đã có tham dục, thì sanh mà không sanh gì cả; nếu cùng một thời sanh, thì không có sự sanh, không

có chỗ sanh, vì sự sanh và chỗ sanh không có phân biệt.

Lại nữa, tham dục và người tham dục không phải một, không phải khác. Vì sao? Vì lìa sự tham dục không thể có được, lìa người tham dục thì sự tham dục không thể có được, nó chỉ từ nhân duyên hòa hợp mà sanh, Pháp do nhân duyên hòa hợp sanh tức là tự tánh không.

Như vậy sự tham dục và người tham dục khác nhau, là không thể có được. Còn nếu một thì giữa sự tham dục và người tham dục không phân biệt được. Các nhân duyên như vậy, tham dục sanh là không thể có được. Nếu pháp ấy đã không sanh thì pháp ấy cũng không diệt. Vì không sanh không diệt thời không định không loạn.

Quán tham dục cái như vậy cùng với thiền là một. Bốn triền cái khác cũng như thế. Nếu rõ được thật tướng các pháp, thì quán thấy năm triền cái không có gì, khi ấy liền biết thật tướng của năm triền cái là thật tướng của thiền, thật tướng của thiền là thật tướng của năm triền cái.

Bồ-tát biết được năm dục và năm cái, thiền định và chi tướng của thiền như vậy không dựa vào đâu mà vào thiền định, ấy là Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, khi Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật, có năm Ba-la-mật kia hòa hợp giúp thành, ấy gọi là Thiền Ba-la-mật.

Lại nữa, do sức Thiền Ba-la-mật mà đắc thần thông, trong khoảnh khắc một niệm không khởi định, mà có thể cúng dường mười phương chư Phật hương hoa, trân bảo các thứ.

Lại nữa, Bồ-tát do sức Thiền Ba-la-mật, biến thân vô số khắp vào năm đường, lấy pháp Tam thừa giáo hóa chúng sanh.

Lại nữa, Bồ-tát vào trong Thiền Ba-la-mật, trừ các ác bất thiện pháp mà vào Sơ thiền cho đến Phi hữu tướng phi vô tướng định.

Tâm điều hòa nhu thuận, trong mỗi thiền thực hành đại từ bi, do nhân duyên từ bi, mà nhổ hết tội trong vô lượng kiếp. Được trí biết thật tướng chư pháp, nên được mười phương chư Phật và đại Bồ-tát hộ niệm.

Lại nữa, Bồ-tát vào trong Thiền Ba-la-mật, dùng thiên nhãn quán chúng sanh trong năm đường ở mười phương, thấy kẻ sanh trong sắc giới, thọ lạc của thiền định, trở lại bị đọa vào loài cầm thú chịu đủ thứ khổ, lại thấy chư thiên cõi Dục, tự vui thú với hương hoa trong ao thất bảo, sau bị đọa vào địa ngục sôi mận. Lại thấy trong loài người kẻ đa văn, thế trí biện thông, vì không đắc đạo nên trở lại đọa vào loài heo dê súc thú, không biết gì cả. Những thân như thế, mất hết các thú vui lớn, bị khổ lớn, mất lợi lớn, bị suy lớn, mất hết tôn quý, bị ti tiện.

Đối với các hạng chúng sanh ấy mà sanh bi tâm, dần dần lớn rộng, được thành đại bi, không tiếc thân mạng, chỉ vì chúng sanh nên siêng tu tinh tấn, để cầu Phật đạo.

Lại nữa, không loạn, không đấm trước gọi là thiền Ba-la-mật. Như Phật bảo Xá-lợi-phất: “Bồ-tát trú trong Bát-nhã Ba-la-mật, thì đầy đủ Thiền Ba-la-mật, vì không loạn, không vị vậy”.

Hỏi: Sao gọi là loạn?

Đáp: Loạn có hai: Một là tế, hai là thô. Tế loạn có ba: 1- Ái nhiều

2- Mạn nhiều

3- Kiến nhiều.

Thế nào là ái nhiều? Được cái vui thiền định, tâm ưa tham ái nhiều.

Thế nào là mạn nhiều? Khi được thiền tự cho việc khó đã thành được, để mà tự cao.

Thế nào là kiến nhiều? Dùng ngã kiến mà vào thiền định. Phân biệt chấp thủ tướng cho đây là thật, ngoài ra là vọng ngữ. Ba điều ấy gọi là vi tế loạn. Do nhân duyên đó mà thối thất thiền định, khởi lên ba độc, ấy là thô loạn. Vị là khi mới được thiền định một lòng ưa thích ấy là vị.

Hỏi: Hết thấy phiền não đều có thể làm ái nhiễm đấm trước, sao chỉ gọi là ái vị?

Đáp: Ái với thiền tương tự. Vì sao? Thiền thời chú tâm kiên trụ, ái cũng chuyên tham đấm khó bỏ. Lại khi mới cầu thiền, tâm chuyên muốn được. Tánh của ái là ham muốn ưa vui, chuyên cầu mong tham muốn, cùng với thiền định không trái nhau. Đã được thiền định, nhiễm đấm không bỏ, thì hoại thiền định, ví như bố thí vật cho người, lại mong quả báo hiện tiền, thì không phước đức; ở nơi thiền yên thân, yêu đấm nơi thiền, cũng lại như thế. Thế nên chỉ lấy ái làm vị, không lấy các kiết sử khác làm vị.

